

Khởi Hành

chủ nhiệm chủ bút: anh viết trần văn trọng • thư ký tòa soạn: viên linh

SÁU TÁC GIẢ VIẾT VỀ MỘT THÀNH PHỐ :

LÊ XUYỀN ■ NG. THỊ THỤY VŨ ■ TRẦN ĐỨC UYÊN
DUYÊN ANH ■ VƯƠNG TÂN ■ DƯƠNG TRỮ LA

ĐỀ TIẾN TỚI

ĐẤU TRANH VĂN HÓA

C HÙNG TA ai cũng mong mỗi chiến tranh chấm dứt. Lẽ dĩ nhiên là trong danh dự và càng sớm càng tốt. Lúc đó, mọi nỗ lực chiến tranh sẽ tạm ngưng hoặc xoay sang 1 chiều hướng khác và nỗ lực chiến tranh chính trị sẽ được tăng cường. Một cuộc đấu tranh chính trị sẽ hình thành trên 1 bình diện đại quy mô và trong đó không ai có thể bỏ quên phần đấu tranh văn hóa.

Cũng có thể cho rằng cuộc đấu tranh văn hóa sẽ song hành với cuộc đấu tranh chính trị nhưng e rằng như thế là không đúng hẳn bởi lẽ khi vấn đề văn hóa đã đặt thành một cuộc tranh đấu thì văn hóa sẽ không còn đứng riêng rẽ lạc lõng mà phải được phát triển, kết hợp thành những phong trào rộng lớn có 1 đường lối tốt để mong đạt được mục tiêu.

Do đó chúng ta có thể nghĩ rằng văn hóa sẽ nằm trong chính trị. Nói như vậy không có nghĩa là chính-trị-hóa văn-hóa mà ngược lại, văn hóa phải bao hàm một ý nghĩa chính trị. Người làm văn hóa dù muốn dù không cũng phải hoạt động trong 1 khung cảnh xã hội nào đó với 1 thái độ nào đó nghĩa là không tránh được sự lựa chọn, dù là sự lựa chọn không lựa chọn gì cả.

Như vậy là lập trường. Lập trường được bày tỏ công khai rõ rệt hoặc lập trường tiềm ẩn trong tác phẩm.

Một công trình văn hóa nào hay hẹp hơn 1 tác phẩm văn nghệ nào cũng chuyển chở điều mà tác giả muốn chuyển đến đồng loại. Do đó tác phẩm sẽ nói lên thay cho tác giả. Bất cứ nói điều gì, tác giả cũng đã bày tỏ dự định của mình, nhận định của mình và ước vọng của mình.

Như vậy, tác phẩm văn có 1 phần Chính trị hay nói cho đúng hơn ảnh hưởng vào chính trị và tác giả trước tiên vẫn nghĩ là mình làm văn hóa thuần túy...

Nếu đã nhìn nhận rằng văn hóa có tương quan mật thiết đến chính trị và do đó nhất định phải có liên hệ đến chính quyền vì chính quyền là đại diện cho chế độ chính trị, thực thi chế độ chính trị mà quốc gia đang theo đuổi.

Như vậy vấn đề chính là chính quyền không thể nào thờ ơ lãnh đạm với văn hóa để cho văn hóa tự nó biến thiên và hình thành bên lề đời sống chính trị mà chính quyền nhất định phải lưu tâm đặc biệt đến sinh hoạt chính trị gián tiếp này là phần sinh hoạt văn hóa...

Ý thức như vậy, chính quyền sẽ can thiệp vào sinh hoạt văn hóa hay nói cho đúng hơn chính

quyền phải xác định thái độ của chính quyền trước sinh hoạt văn hóa và điều quan trọng là phải làm thế nào để có lợi cho cả chính trị lẫn văn hóa.

Do đó chính sách văn hóa đương nhiên là cần thiết không có không được nếu muốn đấu tranh văn hóa.

Nhưng sẽ dựa vào đâu, trên cơ sở, quan niệm nào để ra 1 chính sách văn hóa? Nếu quan niệm rằng văn hóa phải nhằm phục vụ một cứu cánh luân lý: thỏa mãn những khát vọng chính đáng và phát huy những giá trị cao cả của con người toàn diện thì chính sách chỉ là phương tiện thực hiện. Đồng thời phải nhận văn hóa không thể là cứu cánh của chính quyền dù chính quyền có lãnh đạo chính sách văn hóa.

Phải xác định như vậy mới không làm hại văn hóa mà vẫn có lợi cho chính trị.

Chính sách văn hóa nhất định phải có rồi nhưng là 1 chính sách văn hóa thực sự và thiết thực.

Thực sự là không phải chỉ có trên giấy tờ, lời tuyên bố hay diễn văn mà phải cụ thể bằng hoạt động bằng kết hợp, bằng nỗ lực và toàn diện.

Thiết thực là không phải ước vọng mơ hồ nhưng là được đề ra từ những phân tích khoa học, chính xác về thực tại, có nghiên cứu tỉ mỉ về tình hình...

Đồng thời phải luôn luôn cảnh giác rằng chính trị không được lấn át văn hóa dù bằng cách đề ra chính sách văn hóa rồi chính trị văn hóa nghĩa là lãnh đạo văn hóa chặt chẽ bằng cán bộ chính trị hoặc bằng cách không đề ra một chính sách văn hóa rõ rệt nhưng gián tiếp chính-trị-hóa văn-hóa bằng những biện pháp riêng rẽ, tiêu cực như kiểm duyệt, hạn chế, đặt người làm văn hóa trong tình trạng lúng túng, mất phần khởi, trở lên lúng túng hoặc im lặng rút vào tháp ngà...

Trái lại, trong chính sách văn hóa cần phải có những biện pháp tích cực nâng đỡ rộng lớn cho các nỗ lực xây dựng văn hóa chân chính để người làm văn hóa đích thực có thể chu toàn sứ mệnh cao cả của họ đồng thời tránh tình trạng lạm phát văn hóa bừa bãi, hỗn loạn, hoang mang có tác hại cho chính trị và con người toàn diện.

Một chính sách văn hóa hợp lý, thực sự và thực tế chắc chắn là nền tảng vững chắc để đưa cuộc đấu tranh văn hóa đang hình thành trong tương lai rất gần đến kết quả tốt đẹp.

KHOI HANH

TÚY HỒNG
NHÃ CA

*lên tiếng về một
nhận định
của báo Văn
đối với gái Huế*

THẾ UYÊN
*một trung tâm
văn hóa quốc tế
tại việt nam*

VIÊN LINH
tầm gương tròn

3

tuần lễ từ 15-5-69
tới 21-5-69



Ký giả Lô Răng NGƯỜI VÀ VẬT

THÁI THANH

Từ đã lâu, tôi muốn được viết về một giọng hát VN rực rỡ, giọng hát không có tuổi, giọng hát ca dao tình tự, giọng hát đã và đang làm say mê nhiều lớp người. Đó là giọng hát Thái Thanh. Ý kiến này đã được kiểm chứng qua buổi trình diễn ca nhạc của ban Vũ Thành chiều chủ nhật 4-5 vừa qua. Trong thính phòng của trường Quốc Gia âm nhạc đồng không có chỗ đứng, tiếng vỗ tay vang dậy đã kéo dài, không muốn dứt khi Thái Thanh cúi đầu ngừng tiếng. Những đợt vỗ tay trùng điệp như muốn níu kéo cái âm thanh mỹ lệ kia ở lại. Người hát cúi đầu bên phải, cúi đầu bên trái, năm lần bảy lượt mà tiếng vỗ tay vẫn còn tiếp diễn. Ngay khi Thái Thanh đã bước vào hậu trường tiếng «ovations» vẫn còn vang dậy. Từ những ông bà đứng tuổi «long trọng» ngồi hàng ghế đầu cho đến những thanh niên tóc dài, những thiếu nữ mang hùa «hippy» chen chúc ở dưới, tiếng vỗ tay đều thấy háng hắt như nhau. Ở nước ta ít khi xảy một sự hâm mộ nhiệt thành niềm nở như thế.

Tôi nghe Thái Thanh hát đã lâu — từ lúc Thái Thanh vừa mới dậy thì mà tôi là một gã con trai ở tuổi mới lớn. Qua chiếc radio Philip cổ lỗ nằm trong một căn gác nhỏ dọc hàng Thon Hà Nội, năm 1951-1952, tôi cố tìm dài Pháp Á ở Saigon để đón nghe ban hợp ca Thăng Long, chờ những bản nhạc làm rung động một thời kháng chiến: Được Mùa—Nhạc đường xa—Tiếng hát sông Thao—Về miền Trung v.v... Ban hợp ca Thăng Long với tiếng hát quyen vào nhau như một, với giọng solo trầm ấm của Hoài Trung và đặc biệt một tiếng hát Thái Thanh kỳ diệu với «nốt» vỡ ra một cách lạ lùng. Qua 1800 cây số cách biệt, nghe Thái Thanh hát mà ngỡ ngàng «văn kỳ thanh — bài kiến kỳ hình». Tôi tìm hiểu ban Thăng Long và được nhìn thấy hình ban này trong tờ bìa sau của một bản hát. Một Hoài Trung mặt dài, một Thái Hằng sắc sảo, một Hoài Bắc jeune premier nụ cười trắng tinh không có râu ria như bây giờ — và một Thái Thanh bờ ngõ, e ấp, hai con mắt mở lớn. Mùa Xuân năm 1954, khi ban kịch Gió Nam ra Bắc, tôi mới thật sự nhìn thấy Thái Thanh — nhìn từ pontailier nhà hát lớn xuống vùng ánh sáng vinh quang, mê hoặc của một đại tài tử. Cái e ấp, bờ ngõ của ngày nào đã hết. Bây giờ là một ca sĩ óng ả, yêu kiều đang ru Hanoi trong một bản «Tĩnh Cối» nổi tiếng:

Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời, người ơi
Mẹ hiền ru những câu xa vời...

Tôi nhớ rằng Thái Thanh ngày ấy cũng được hoan nghênh hết sức nồng nhiệt. Hanoi chờ đợi ban hợp ca Thăng Long nói chung, Thái Thanh nói riêng với cảm tình mến yêu, vinh dự của một quê hương mừng đón những đứa con xa vừa mới trở về...

Cho tới nay hơn 15 năm đã trôi qua—15 năm gần một thế hệ—15 năm một phần tư cuộc đời—15 năm ấy không làm cho giọng hát của Thái Thanh giảm sút. Tiếng vỗ tay tại thính phòng Quốc Gia Âm Nhạc không có thua kém gì tiếng vỗ tay tại nhà hát lớn Hanoi năm xưa, nếu không muốn nói là có phần đầm ấm hơn, thiết tha hơn. Trong 15 năm ấy biết bao nhiêu loại nhạc mới đã tràn tới VN, biết bao nhiêu giọng ca mới đã nổi lên và đã chết đi, riêng giọng ca Thái Thanh vẫn còn tồn tại. Tồn tại một cách vinh quang. Tồn tại trong sự công nhận của những expert như Vũ Thành—Cung Tiến, tồn tại như người Việt Nam thuần túy thoát ghe một điệu ca dao...

LÊ HÀ NAM

THỜI SỰ nghe thuật

TIN MỪNG CỦA GIỚI SÀNH ĐIỀU

Liên tiếp trong hai tuần qua, quán nhạc Mạnh Phát đã lần lượt cho phát hành những bản nhạc bắt hủ của Nhạc Sĩ Cung Tiến. Đó là các bản Hoài cảm, Hương xưa, Thu vàng, Lệ đá xanh và Nguyệt cầm.

Nghe tới tên Cung Tiến, giới sành điệu âm nhạc từ mười mấy năm nay đã hiểu rõ giá trị của người nhạc sĩ tài hoa này, cũng như những bản nhạc của ông, tự nó đã nói lên đầy đủ tính cách tiêu biểu của nó.

Tưởng cũng nên nói thêm rằng, mỗi bản nhạc còn có phần hòa âm do chính tác giả tự soạn dành cho dương cầm.

Ngoài ra một nhạc phẩm còn kèm theo nó, một họa phẩm đặc sắc của các họa sĩ thời danh như Duy Thanh, Ngọc Dũng, Nguyễn Trung...

Riêng bản nhạc Lệ đá xanh, nguyên là một bài thơ tự do của Thanh Tâm Truyền do Cung Tiến phổ nhạc.

Những bạn nào hằng mong sưu tập đầu đủ nhạc phẩm của Cung Tiến thì đây là một dịp may hiếm có, hãy tìm mua ngay kẻo hết.

TỜ HỢP

XUẤT BẢN GIỎ

Người ta mới chỉ nghe nói nhiều đến tờ hợp ký giả, báo chí chứ chưa nghe nói đến Tờ hợp xuất bản. Đây có lẽ là lần đầu tiên một số nhà xuất bản nhỏ đã tự động đứng lại với nhau làm nên Tờ hợp xuất bản Giỏ.

Cuốn sách ra mắt của Tờ Hợp xuất bản này là cuốn truyện ngắn của nữ văn sĩ Mỹ P.S. BUCK, một cây bút chuyên về Trung Hoa và đã từng được giải Nobel về văn chương. Tập truyện này mang tên *Nạn Nhân Bưởi* Giao Thời đã bày bán.

Ngoài ra, Tờ Hợp Xuất bản Giỏ cũng đã cho lên khuôn cuốn biên khảo của Vũ Đình Lưu viết về *Phẩm Tâm Học*, và đang sửa soạn phát hành trong tháng tới tập nhạc *Trên ngọn tình sâu* của Từ công Phụng. Tập nhạc này gồm có 10 bản. Trong đó, nhạc bản *Trên ngọn tình sâu* được coi là cốt yếu. Bản này nguyên là một bài thơ của Du Tử Lê, in trong *Tay gõ cửa đời*.

Cầu mong Tờ Hợp Xuất bản Giỏ thành công trên cả hai lãnh vực phục vụ chúng và tài chính.

MỘT CỬ CHỈ NGOẠI MỤC CỦA ÔNG TỔNG TRƯỞNG TT—CH

Sau khi xét lại nội dung cuốn truyện dịch Ngàn cảnh hạc của Kawa-BaTa, ông Tổng Trưởng Thông Tin và Chiêu Hồi đã quyết định cấp giấy phép cho xuất bản.

Tưởng cũng nên nhắc lại là cách đây không lâu, cuốn truyện này đã bị cấm-phổ biến với lý do vô luận.

Hầu hết anh em cầm bút ở đây đã ca ngợi việc làm trên của ông Tổng Trưởng. Nhưng vấn đề được đặt ra là đầu phải cuốn sách nào cũng có tính cách quốc tế như cuốn trên đề được ông Tổng Trưởng xét lại. Hơn nữa, đầu phải tác phẩm nào của bất cứ ai cũng có một nhà xuất bản có uy tín như nhà xuất bản Trình Bày đứng ra lo toan giấy phép đầu. Do đó, từ trước đến nay, đã có không biết bao nhiêu tác giả tự lo liệu lấy việc xuất bản tác phẩm của mình đã phải cam đành chôn vùi tác phẩm trong bóng tối, khi không được cấp giấy phép xuất bản vì một lý do nào đó.

Cho nên, vấn đề được nêu ra ở đây là yêu cầu của Bộ Thông Tin (Sở Phối Hợp Nghệ Thuật) đưa ra những tiêu chuẩn rõ ràng trong việc kiểm duyệt tác phẩm, hầu giảm thiểu những trường hợp oan uổng xảy đến cho các nhà văn độc lập.



TÚY HỒNG NHÃ CA

lên tiếng về một
nhận định
của báo Văn
đối với gái Huế

TỜ A Soạn KHỞI HÀNH, sau hai số báo, nhận được sự tín nhiệm không điều kiện của bạn đọc và của các nhà văn nhà thơ uy tín nhất hiện nay. Ngoài những nhà văn đang cộng tác với KH, như các cây bút trong Quân, Đội Thanh Tâm Tuyền, Văn Quang, ký giả Lô Răng, Tạ Ty, Nhật Tiến, Báo Trừng, Cung Tích Biền, Lê tất Điều, Du Tử Lê, Thế Uyên, Đỗ Trọng-Huê v.v., những nhà văn nhà thơ ngoài QĐ như Mai Thảo, Lê Xuyên, Tú Kieu, Duyên Anh, Trần Tuấn Kiệt, Thiệu Cán v.v., mới đây, chúng tôi còn nhận được sự cộng tác, và lời khích lệ của các anh Nguyễn mạnh Cơn, Võ Phiến, Sơn Nam, Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, và các chị Túy Hồng, Nhã Ca, Thụy Vũ. Trong số 4 sắp tới chúng tôi sẽ được hân hạnh đăng tải bài vở của nhà luận thuyết Nguyễn Mạnh Cơn, nhà văn Sơn Nam, thi sĩ Lam Giang. Và trong số này, cảm tình của Túy Hồng, Nhã Ca, Thụy Vũ, những nhà văn nữ nổi tiếng nhất của Miền Nam.

Riêng Túy Hồng, Nhã Ca đã gửi cho chúng tôi một lá thư ngỏ. Lá thư ngỏ này nhằm thương xác với ông Trần Phong Giao, Thư ký Tòa Soạn Văn, về một điểm mà Túy Hồng, Nhã Ca, gọi là «khinh nhờn» gái Huế, «cáo xước» đất Huế.

Tôn trọng tiếng nói của những người cầm bút, nhân danh Thư Ký Tòa Soạn Khởi Hành, tôi cho đăng tải nguyên văn lá thư này, mặc dầu giữa anh em bên Khởi Hành và anh em bên Văn, giữa Thư ký Tòa soạn Viên Linh và Thư ký Tòa soạn Trần Phong Giao, từ trước tới nay không có một điều gì đáng tiếc xảy ra. Và tôi tin, tình thân hữu đó sẽ không bị sứt mẻ bởi một thái độ giữa những người làm văn học. Dưới đây là lá thư của hai nữ văn sĩ Túy Hồng Nhã Ca gửi anh Thư ký Tòa Soạn báo Văn:

Kính gửi anh Trần Phong Giao.
Thư ký Tòa Soạn Báo Văn

CHÚNG tôi là những gái Huế viết văn, viết được sáng tác nào là gửi đăng trên các báo, rồi sau đó mới xuất bản thành sách. Một trong những tờ

báo đăng bài chúng tôi là báo « Văn », một tờ báo khá ái, linh động và còn là diễn đàn chung cho những cây bút mới. Bài của chúng tôi gửi đăng ở « Văn » tuy ít ỏi nhưng, cảm tình của chúng tôi đối với « Văn », hay nói đúng hơn, đối với anh Trần Phong Giao bao giờ cũng chan chứa và tròn trịa...

Chúng tôi thiết nghĩ, lúc này, hơn bao giờ hết, giáo sư Tổng Trưởng Thông Tin và Chiêu Hồi nên để mắt tới tình trạng kiểm duyệt sách báo hiện nay. Nếu phải bỏ một ít thì giờ quý báu để tránh sự «di hại muôn đời», cũng là một việc làm rất nên vậy thay.

KÈ TRỞ VỀ... NGƯỜI Ở LẠI

Trong mục này, số 1, chúng tôi có loan báo 2 họa sĩ Trịnh Cung và Đinh Cường đã có tên trong danh sách những người được cứu xét để biệt phái trở về bộ Quốc Gia Giáo Dục. Nay chúng tôi được biết tin chính xác, Trịnh Cung đã được chấp thuận biệt phái, còn Đinh Cường vẫn ở trong vòng cứu xét.

Ngoài ra, Điều khắc gia Mai Chúng, cũng đã nộp đơn xin biệt phái trở về bộ Quốc gia Giáo Dục.

Mong rằng Đinh Cường và Mai Chúng sẽ sớm được toại nguyện.

NGHĨ GI. KIỀU A, B, C

Trên các kệ sách trong tuần qua, người ta đã thấy bày bán tập Nghĩ Gi II của Trần Trọng Phủ. Cuốn sách này ghi nhận một số ý nghĩ về văn hóa và văn nghệ, nằm trong tủ sách tìm hiểu những vấn đề của Thời Đại.

Cùng với cuốn Nghĩ Gi 2, người ta còn thấy bày bán cuốn L. toàn lý học Đại Cương của Trần văn Tuấn.

Thêm vào đây, trong tuần san cuốn biên khảo mới nhất của Đỗ Long Vân, tên «Kiều, a, b, c» cũng sẽ ra mắt bạn đọc. Với tác giả Đỗ Long Vân, cuốn Kiều, a, b, c là một tác phẩm biên khảo công phu, đặc ý và mới nhất của ông.

Cả ba cuốn vừa nêu đều do nhà Trình Bày xuất bản.

MỘT CÁCH BUỒN PHIÊN

Sau khi phát hành cuốn tạp văn *Sống bằng sự nghiệp* của nhà văn Nguyễn mạnh Cộn, cơ sở Văn đã cho phát hành cuốn *Một cách buồn phiên*, tập truyện ngắn của cây bút trẻ Lê văn Thiện.

Cuốn truyện này, không nằm trong khuôn khổ của tủ sách Văn Uyên? Đây cuốn mở đầu của một chương trình nâng đỡ, khuyến khích những người viết mới của tạp chí Văn.

TÚ KẾ giải phóng vô luân

(Ngân cánh Hạc của Kawabata
đã được phép in)

Nhà văn nhón Ba Ta khoai nhé
Văn chương ông cũng rẻ hơn bèo
Nô Ben suýt bị mốc meo
Hỏi ông phục xứ dân nghèo này chưa?
Người nước tớ nó chưa đến thế đấy
Cả hoàn cầu sức mấy ai hơn
Một pha phối hợp xanh rờn
Cô em nghệ thuật không còn sợ... tớ!
Họ thuộc loại «i tờ có móc»
Rừng vàng khê hiều cóc gì đâu

Ăn lương cầm mũ chụp đầu
Học hành biết được vài câu đánh vần.
Chúng mặc áo vô luân cho cụ
Thống khoái thay, bắt hủ nghìn đời!...
Sao mà tôi chán nước tôi
Ở đâu nước máu, người tôi hơn không?
Cụ đáng bậc cha ông chúng nó
Bồi chẳng hay mẹo mó nhà nghề
Cho nên nhiều cái thiệt... «quê»
Dù sao, xin cụ vẫn để bỏ qua!
Bọn con cháu trong nhà có hồn
Chấp làm chi hao tổn tinh thần
Trẻ thơ dạy bảo dần dần
Bốn nghìn văn hiến cù lần cụ ơi!
Cụ thông cảm, nước tôi nó thế
Mọi lâu rồi, chưa thể canh tân
Những thằng chính công vô luân
Thường hay trầy tráo ngậm phẩn phạn người.

Mong rằng tạp chí Văn cũng như độc giả sẽ không thất vọng... một cách... buồn phiên.

NÓI LẠI

Trong kỳ báo vừa qua, chúng tôi có loan tin tạp chí AFRICA đã gửi thư qua nhà xuất bản Đại Nam Văn Hiến, xin đăng một số thơ của một số tác giả Việt Nam viết về chiến tranh Việt Nam. Nay chúng tôi được Thế Phong cho biết rằng tạp chí đó không phải là AFRICA mà là tờ TELGALA. Một tạp chí xuất bản tại Phi Luật Tân, mỗi số là một cuộc tập hợp của các tác giả Á châu. Tạp chí TELGALA có bán tại Việt Nam. Bạn đọc có thể tìm mua tại các nhà sách lớn tại Thủ Đức Sài Gòn.

Vậy xin nói lại cho rõ và xin lỗi nhà văn Thế Phong.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

LIỆU NGƯỜI GIẬT GIẢI NOBEL
69 CỐ BỊ CẤM KHÔNG?

Trong giới văn nghệ quốc tế người ta đang xì xầm rằng tài tử điện ảnh 80 tuổi Charlot (Charlie Chaplin)

có thể được tặng giải thưởng văn chương Nobel năm 1969.

Người ta không nghe thấy nói Charlot viết sách bao giờ cả. Mới đây nhà báo hỏi ông sẽ viết ký ức về đời ông không, ông cũng trả lời không? Các danh nhân thường hay viết về đời mình lắm. Các người chưa phải là danh nhân cũng hay làm thế. Charlot thì không?

Vậy nếu ông được giải Nobel là do các phim ảnh trừu tượng của ông *Ánh Sáng Kinh Thành*, *Đền Sân khấu*, *Nhà Đại Độc Tài*, *Thời Văn Minh* v.v... Như thế là một ngoại lệ đầu tiên cho giải Nobel văn chương?

Nói đến giải Nobel người ta lại nhớ tới vụ Bộ Thông Tin Việt Nam cấm xuất bản cuốn *Ngân Cánh Hạc*, cuốn tiểu thuyết đã giúp tác giả nó đoạt giải Nobel 1968. Nhà cầm quyền đã coi cuốn *Ngân Cánh Hạc* là vô luân nên không cho phép ấn hành. Kề cũng tủi cho tác giả Phù Tang thật.

Nhưng làm sao được. Phép vua còn thua lệ làng thì quan niệm nghệ thuật quốc tế rộng rãi phải thua quan niệm nghệ thuật Khổng Mạnh của quốc gia đứt đuôi rồi.

Còn ông già Charlot này, làm phim hay lắm. Có thể giật giải Nobel lắm. Nhưng điều đó không có nghĩa nước Mỹ sẽ giải tỏa lệnh cấm đặt chân tới Mỹ đối với ông hay là một vài nước độc tài sẽ bỏ lệnh cấm chiếu phim Le Grand Dictateur tại nước họ.

TRIỂN LÃM TRANH MATISSE TẠI MẠC TƯ KHOA

Một trăm bốn mươi chín tác phẩm hội họa, điêu khắc và 20 bức thư viết tay của danh họa Pháp Matisse vừa được đem triển lãm tại bảo tàng viện (Xem tiếp trang 14)

Tuần báo KHỞI HÀNH số 1 và 2 đã nhận được sự ủng hộ khích lệ ngoài niềm mong ước của Tòa soạn. 7.000 số báo đã bán hết trong vòng chưa đầy 1 tuần lễ. Chúng tôi chân thành cảm ơn quý bạn đọc giả, anh chị em trong giới phát hành và các đồng nghiệp đã có lòng ưu ái nói đến KHỞI HÀNH. Từ số sau, KHỞI HÀNH sẽ in thêm 3.000 số nữa mỗi kỳ, và chúng tôi hy vọng còn nhận được sự ủng hộ quý báu của quý vị,

cảm tình đó, chúng tôi tin rằng bất cứ ai đã từng cộng tác với «Văn» đều thấy có. Đứng một cái, tình cờ chúng tôi thấy trên số báo «Văn» thương nhớ Y Uyên, trang 80 có đăng một lời nói của anh Trần Phong Giao: «Cái Huế, ai tình lãng nhăng thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân tôi đúc kết kinh nghiệm của một vài anh em có vợ Huế khác... Quả là một câu nói ngùn ngụt hắc ý đối với một quê hương đã đi vào văn nghệ bằng một vẻ đẹp và một linh hồn, một quê hương chiến tranh mà tổng số những đứa con gái lấy Mỹ đêm không vượt quá xa những lông của 10 ngón tay, một quê hương đã từng ép xác đàn bà bằng một lối giáo dục của khối đá ngàn cân đè nặng «đi xem đất, về cắt mặt lên trời», một quê hương thâm u của những bà Chúa, những Công tăng Tôn nữ nhìn đời không xa quá cái hàng rào vương giả... Và một quê hương còn lại sau cuộc thâm sát... Đành rằng, chỗ đất nào cũng có người thơm kẻ thối, gái Huế cũng như gái Bắc, gái Nam... gái xứ nào chẳng có đứa làm đi, chữa hoang, ngoại tình, giết chồng người khác, ăn cắp, ngủ lang, hàm hồ, chua ngoa, ác độc... nhưng, không bao giờ ta nên căn cứ trên một thiểu số người làm bậy rồi

quyết đoán cả một tỉnh lý, quận lý, cả một thành phố, cả một cổ đô, cả một quê hương... toàn thể phụ nữ đều làm bậy như nhau, đều lăng nhăng nhện nhện như nhau để đến nỗi một người, chỉ một người thôi, phải lên cái tiếng lớn cười mũi vào cái thể thống của một quê hương... Tất cả một xứ Huế con gái chỉ đáng để cho ông nhà văn tình chuyện lăng nhăng hay sao? Tất cả xứ Huế con gái đều là những kẻ nhẹ tư cách, rẻ nhân phẩm nên không ai buồn để ý đến chuyện «xây dựng gia đình với» hay sao?... Thật tội nghiệp cho những năm mờ non thiếu nữ vui chôn trong năm thâm sát Mậu Thân, thật tội nghiệp cho những người con gái dài tóc còn sống dư sau vụ và huyết vừa rồi phải bẽ những rờ rau quá ra ngồi bán bên đường khi con đói đến lền sau cuộc thâm sát, và cũng thật tội nghiệp cho những cô gái Huế yêu văn chương vẫn nghiền ngẫm đọc sách «Văn» lâu nay (xin quả quyết rằng khắp trên mấy miền quê hương gái Huế chịu đọc sách báo và đọc báo «Văn» nhiều nhất)... Chúng tôi, những gái Huế viết văn đã bỏ quê hương mà đi nên may mắn còn sống để góp mặt vào cái chiếu lang văn miền Nam này, chúng tôi là những kẻ quen thân với anh Trần Phong Giao, là những kẻ lấy chẹn Bắc kỳ, nghĩa là những kẻ ở trong cái mục «đúc kết kinh

nghiệm» của anh Trần Phong Giao, mỗi kẻ biết cày một cây bút của cái giá đưng bút miền Nam này, thấy thể diện của quê hương mình bị cào xước như vậy nên chúng tôi phải có một phản ứng: «đề tr lời câu nói khinh nhờn của anh Trần Phong Giao đăng trên báo «Văn», Túy Hồng và Nhà Ca từ nay xin thôi không cộng tác cùng báo «Văn» nữa...»

Quê hương đang là một vòm trời đen, kẻ làm và không xử dụng ngòi bút của mình trên những giọt nước mắt, lại đi lai rai từng hàng cho cái bầu hinh thức, thể thống... nghĩ thật tự mình lấy làm bá mẫn; nhưng, quê hương còn cả tương lai, ngòi bút của mình nhận thấy rằng có những điều nó trước được và có những điều cần phải nói sau...

TÚY HỒNG
NHÃ CA

Tôi hoài nghi trước cái hiển nhiên
Lá vàng còn chắc cuống
Trong rét ướt mưa mùa
Sương đêm giá lạnh
Trở về cánh cồng đã qua

Tôi hoài nghi sự đến
Hoài nghi đôi chân lang bạt
Đã đi bao nhiêu chiều âm đạm
Và cuối cùng hôm nay như cánh én

Tôi hoài nghi mái ngói phương Nam
Sống một mùa trú ẩn

Tìm lu như một ngọn đèn
Giữa ngực đời tăm tối.

tấm gương tròn

Je joue un rôle secondaire dans ma vie
Mon poème est le seul à comprendre pourquoi.

AL AIN BOSQUET
(Premier Testament)

1

Sớm mai tôi lên đường
Về chỗ hẹn hân hoan
Mùa gặt ngoài trái đất
Đôi tay tôi ngưng ngừng
Hái môi em tiếng khóc
Ngắt thịt em lời kêu
Hái môi em giọng sầu
Bài ca nhan đề Tuyệt Vọng Khúc.

2

Người tình của tôi đã tới
Hôm nay niềm im lặng quên
Bởi vì nơi đây sự mờ tối
Bao phủ em và anh

Chúng ta để ngọn đèn mờ
Nghe thôi thóp ngực hồng nức nở
Vì sao anh òa khóc
Dạ chém em chết tươi

Người tình của tôi đã tới
Tôi quên rồi dự tính ngày mai.

3

Sáng nay tôi dậy sớm
Ngồi trước một tấm gương tròn
Tưởng mặt mình biến đổi

Ngó sâu trong vòm dĩ vãng
Tưởng cuộc đời khác xưa

Nào hay buổi chiều
Đi trong cơn mưa thứ nhất
Thấy thời gian như những mũi kim
May tằm vãi trời chầm kín đầu tuổi trẻ.

5

Thực ra mỗi vật chỉ có một danh từ
Nhưng buổi sáng rạng đông
Bình minh ban mai hay sớm biếc
Hôm nay ngồi ở một nhà mờ
Tôi chợt nghĩ đến vài điều tưởng hết
Bây giờ không hiểu còn không
Nhưng buổi sáng hôm nay nhìn qua Nghĩa Địa
Bất ngờ tôi thấy một người quen
Tôi vẫn tưởng là giờ đã chết
Khướn mặt xanh xao mím một nụ cười
Cánh tay vẫy vẫy vật vờ trên nền trài xám

Tôi chớp mắt tìm một cái tên
Nhưng không còn nhớ gì ngoài một nụ cười
Lạnh lẽo và xa lạ
Trong dĩ vãng mơ hồ

6

Nhìn lên thấy mây đen
Che khuất niềm tin cũ kỹ
Dưới thân thể hồng em
Nỗi cô đơn âm ỉ
Dưới thân thể hồng em
Nỗi cô đơn âm ỉ

7

Anh viết cho em một bài thơ chưa hết :
Chúa chết rồi còn cúi nhìn mặt đất
Chưa biết bao giờ mới ngừng lên
Tuyệt Vọng Khúc.
Anh gửi em một nỗi sầu bất tuyệt
Mà thời gian như những chiếc đinh
Đóng chặt cứng trên tường vôi hiện tại
Tuyệt vọng khúc.
Đó tấm tranh anh vẽ
Bằng máu của đôi chân
Ba mươi năm năm quần quanh vùng đất sục
Cứ ngỡ mặt Thiên Đường.

8

Tôi thực tình đau khổ
Hôm nay gặp lại mùa mưa
Không giúp em biết kiếp cá vàng
Vớt cặp mắt kiếng nhìn độ vui phóng lớn

Lũng lơ trong bầu nước nâu xanh
Quên bảo tố của cuộc đời thúc đẩy.

9

Tôi thực tình đau khổ
Như gã mộ phu đào đất chôn mình
Nhưng không hiểu phút giây nào có thể
Khép công mờ nghe hơi đất chung quanh.

Dầu sao cuộc sống còn vô lượng
Và mộng không cùng em của anh.

10

Sáng nay tôi dậy sớm
Ngồi trước một tấm gương tròn
Ngắm một dung nhan nào xa lạ

Ở đây đã sống
Một đời lạc lõng bình minh
Không tìm ra kết cuộc
(Mà làm gì có kết cuộc
Cho một kẻ hoài nghi
Vinh viễn)

Như cánh dơi chấp choạng ban chiều
Bay cuống quít giữa những đường điện đứt

Bình minh mưa
Mặt đường trắng thủy
Soi ngược cuộc hành trình
Những bánh xe đời vọt vãi.

11

Ở đây cảnh vật
Mang màu tím gương đen
Thế giới im nổi buồn
Chân ai thờ thần bước

Ở đây sẽ chết
Một người từ biệt sớm mai
Tự những ngày ba mươi tuổi.

Xe đưa đảng đình về trời
Trái tim còn hồi tiếc.

Như Narcisse yêu mặt nạ mình
Tôi yêu tôi bởi mặt nạ em

12

Hân hoan như ngực ấu thời
Anh nhỏ lệ tìm ra phố vắng

Một mình kiếm chút yên vui
Dưới những tàng cây yên lặng.
Tuyệt Vọng Khúc

TH Ư Ờ N G thường mỗi dân tộc thuần nhất đều cư ngụ trên một vùng nhất định trên địa cầu, chịu chi phối bởi yếu tố chính trị của vùng đất ấy, do đó làm phát xuất một nền văn minh riêng. Khó có thể quan niệm một nền văn minh phù sa như của Trung hoa lại phát xuất từ miền Địa trung hải, hay văn minh Ki-tô giáo phát xuất từ châu thổ sông Amazone. Và văn minh, xét đại lược, không là gì hơn các biểu lộ đủ loại của con người trong công cuộc thích ứng mình với ngoại vật nơi cư ngụ để sinh tồn, và thích ứng mình với kẻ khác để cộng tồn trong hòa hợp. Bởi các lý do ấy, trên thế giới có nhiều nền văn minh khác nhau và mỗi nền văn minh ấy chỉ thích hợp với một dân tộc hay một tập hợp các dân tộc cư ngụ gần nhau, và cho từng thời kỳ của lịch sử mà thôi. Cũng bởi thế, một người Pháp sang Việt nam vào lúc này, hay giả thử nhờ một máy đi ngược thời gian tới thời của xứ Gaule, đều đương nhiên cảm tưởng mình là người khách lạ, người xa « quê nhà ».

Nói một cách khác, một con người bình thường chỉ thấy mình an toàn thoải mái khi không những chỉ sống chung với người đồng chủng cùng một thời kỳ mà thôi, mà còn cần được sinh hoạt hay hiện diện trong một bầu khí văn hóa nhất định của một nền văn minh nhất định — ngoại trừ trường hợp mình là kẻ mò côi cả cha lẫn mẹ ngay từ lúc vừa lọt lòng mẹ ra đời. Chính bởi lý do này, không thể di chuyển nguyên vẹn một nền văn hóa của nơi này sang thể cho một nền văn hóa có sẵn của một dân tộc khác trong một thời gian ngắn. Nói như thế không có nghĩa là các nền văn minh không phát huy, hay các nền văn minh không di chuyển khỏi địa bàn xuất phát nguyên thủy. Nhưng mỗi khi xảy ra các trường hợp ấy, sẽ có các hiện tượng va chạm nặng hay nhẹ giữa các nền văn hóa khác nhau, giữa nền văn hóa đang phát huy và nền văn hóa thu nhận. Đề rồi sau một thời gian giao hoán văn hóa dài, dân tộc của nền văn hóa thực nhận có thể hoặc đồng hóa được hay đồng hóa với văn hóa kia, văn minh kia để tạo lại được bầu khí « quê nhà » mới cho mình. Nhưng hoặc cũng có thể vì yếu tố thời gian chưa đủ, hoặc hai bên quá dị biệt, dân tộc của nền văn hóa thu nhận có thể có phản ứng dị ứng đối với văn hóa phát huy đã du nhập họ. Trong trường hợp này, dân tộc ấy thường thường sẽ phân hóa, chán ngán, bơ vơ —

nói một cách khác là không tìm thấy hạnh phúc : làm sao một người yêu quê nhà có thể sung sướng khi phải cách biệt với quê hương cũ, hay tệ hơn, phải chứng kiến quê cũ đang tan biến ?

Từ những ngày xa xưa trong lịch sử, dân tộc Việt có một nền văn minh riêng phát xuất từ châu thổ sông Hồng, một nền văn minh đã tiêu tan không còn vết tích sau một ngàn năm lệ thuộc Trung hoa. Nhưng dân Việt sau cùng đã thích ứng được văn hóa Trung hoa với cái sắc thái địa phương để rồi tạo ra được một nền

Địa Trung hải. Nhưng dĩ nhiên vì yếu tố thủy thổ bất phục, yếu tố bắc và nam sông Hoài, dân tộc Việt đã có những dị ứng văn hóa tiềm ẩn, chỉ bùng ra, sau này trong thập niên kỷ 63-75.

Nhưng văn hóa văn minh Địa trung hải chưa du nhập miền này tới một thế kỷ, đã phải chấm dứt phát huy. Dân Việt chưa kịp khôi phục và tái tạo nổi lại « quê nhà » cho nhất trí sau nhiều sửa chữa tạm cần nhà ông cha để lại căn nhà mặt tiền lai Tây mặt hậu kiểu Tàu, đã lâm vào vị trí giao điểm của nhiều luồng gió lốc văn

Ở đây, các luồng nội lực ngoại lai chính là các giông văn hóa văn minh Địa trung hải, Mác Lê, Đại tây dương...

Các giông văn minh ấy đang tác hại tự do trong khắp thân thể Việt nam. Tại sao chúng ta không tạo ra một nơi « đan điền » để rồi có thể chế ngự điều hợp chúng, đề rồi từ đó sẽ làm phát xuất ra những yếu tố cần thiết cho việc xây dựng một nền văn hóa mới... « Đan điền » này, chúng ta có thể tạo ra được bằng cách hình thành một TRUNG TÂM VĂN HÓA QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM.

Chúng ta sẽ tạo lập trung tâm này ở Delat, nơi vừa xa cách với các tranh chấp khủng khiếp, vừa có cơ sở và không khí thuận lợi cho việc suy tư nghiên cứu dài hạn. Dân tộc Việt đang nghèo nhưng không phải là không có thể làm được. Đồi núi có sẵn bao la. Hãy đi mời Hoa kỳ, Anh, Pháp, Nhật, Ấn độ Trung Hoa, Đại Hàn... tới, biểu họ một sườn đồi hay một thung lũng nhỏ, mời họ tùy tiện muốn hình thành một trung tâm phát huy văn hóa riêng ra sao tùy ý. Dân Việt tan rã, yếu đuối vì chiến tranh, chỉ có thể mang một vài khoáng đất và một tinh thần phóng khoáng về văn hóa ra làm vốn đầu tư.

Chúng ta sẽ tạo một chương trình trung học mới đặt nặng vấn đề đào luyện tinh thần dân tộc Việt, đề sau đó có thể an tâm cho sinh viên trẻ sau đó lên theo học tùy ý chọn lựa trung tâm văn hóa ngoại lai. Nếu cần, chúng ta sẽ mở rộng cửa đón mời các sinh viên trên toàn thế giới tới theo học. Và trong trường hợp đó vì nhu cầu chiến đấu giai đoạn, một chính phủ nào đó của miền Nam cần chuyển chế độ kiến thiết nhanh chóng, đề mở mang gấp rút xứ sở, thì vẫn có thể dễ dàng để cho văn hóa tự do này nở bên trên đèo Prenn — một thứ công viên tự do của toàn thế giới, hay ít nhất, cũng của Đông Nam Á.

Sẽ có người cho rằng dự án này khó thực hiện. Và quả là khó thực, nhưng cũng nên cố mà làm. Ít ra cũng để lại cho con cháu chúng ta một cái gì khác hơn là điều tàn, đồ nát và tan rã. Và biết đâu, nếu dân tộc Việt còn tiềm lực, chúng ta chẳng làm xuất phát từ đó một nền văn hóa mới, vừa cung cấp những yếu tố thuận lợi cho nhiều dân tộc văn minh dị biệt tiến lại gần nhau trong tinh thần hòa hiệp, vừa mang lại được cho con cháu chúng ta những ruộng cội cần thiết để tạo dựng lên một quê nhà đích thực.

THỂ UYÊN

TIẾN TỚI HÌNH THÀNH MỘT TRUNG TÂM VĂN HÓA QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

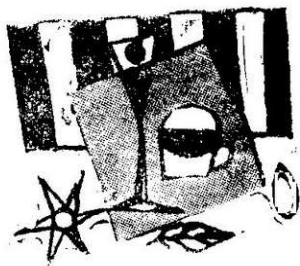
văn hóa riêng đáp ứng đúng với những đòi hỏi căn bản của « quê nhà ». Con người Việt từ đó cho tới cuối thế kỷ 19 không mấy khi thấy đời là phi lý, mình là bơ vơ. Làm sao phi lý, làm sao có bơ vơ một khi qua Khổng, qua Lão, qua Phật, con người thấy mình là hòa hợp với trời đất, với con người còn sống hay đã chết. Nếu bấy nhiêu chưa đủ thì còn có thêm các thần cây đa đầu làng, cây đề cuối xóm lẫn khuất vô vẻ, đe dọa, nhưng thân cận. Văn hóa Việt nam như vậy đã đạt được mức là điều hợp cho con người nằm trong bầu khí của nó.

Nhưng quê nhà đó, bầu khí đó đã mất đi khi người Pháp chiếm được Việt nam làm thuộc địa. Một nền văn hóa đang có tính phát huy mạnh đã du nhập và va chạm với nền văn hóa cổ truyền địa phương. Nhưng lần này, cường độ va chạm rất cao bởi vì dù sao nền văn minh cổ xưa của châu thổ Hồng hà không thể có sức mạnh nội tại của nền văn hóa Việt nam sau một ngàn năm lập quốc. Nhưng cũng như lần trước, trong khi mở những cuộc vận động, nổi dậy giành độc lập chính trị, điều kiện tiên quyết cho việc tìm lại « quê nhà » dân tộc Việt cũng đã hấp thụ khá nhiều văn hóa văn minh của miền

minh khác nữa, văn minh Mác Lê, văn minh Đại tây dương mới ào tới, cộng với văn minh cổ truyền đang chỗi dậy và văn minh Địa trung hải còn tác động kín đáo, tất cả va chạm nhau dữ dội qua một cuộc chiến tranh vừa dài vừa dữ dội gấp bội, đề rồi sau cùng, người Việt không còn quê nhà nào làm nơi trú ngụ an toàn — hay có quá nhiều quê nhà đủ loại tới đề nghị mời mọc đến nỗi không biết đâu là quê hương đích thực nữa. Hậu quả, đằng nào cũng là phân hóa và bơ vơ.

Một dân tộc phân hóa và bơ vơ như thế là một dân tộc bị nội thương trầm trọng, không thể có nỗ lực nào khác hơn là tìm mọi cách để tồn tại trước đã mà thôi, không thể vươn lên làm ngay được một xây dựng gì mới — dù cái phải xây dựng đây chính là tạo lại một quê nhà đích thực cho chính mình. Có thể dùng một nhân vật thời danh của Kim Dung mà diễn tả : dân tộc Việt hiện như Lệnh Hồ Xung khi bị nhiều luồng nội lực khác nhau chạy khắp thân thể đe dọa tính mệnh. Lệnh Hồ Xung chỉ tìm lại sức mạnh khi học được cách đưa các luồng nội lực ngoại lai xâm nhập cơ thể kia lên đan điền đề rồi chế ngự chúng, điều hợp chúng, biến hóa chúng thành nội lực của chính riêng mình.

thơ có lửa



HOÀNG NGỌC LIÊN - HY VĂN
PHỤ TRÁCH

Tình yêu Quê Hương đối với người Việt Nam là tình yêu tha thiết nhất. Đó là căn bản của lòng yêu nước của một dân tộc từng có những trang sử vẻ vang, của một giống nòi từng đem xương máu để bảo vệ giang sơn, bờ cõi. Càng thiết tha hơn nữa, tình yêu quê hương với người lính chiến. Bởi chính người lính đã đem cuộc đời mình dâng cho sự sống còn của dân tộc, sự hưng thịnh của giống nòi. Người lính chiến đi bảo vệ từng tấc đất của Quê Hương, đã hy sinh cả xương trắng máu đào cho làng quê, thôn xóm. Nước non ta là đẹp, quê hương ta là đẹp. Đỗ Minh Cang — trong Lời Chim Việt — đã viết về quê hương chúng ta, những giọng thơ thấm đượm nhiều tình máu :

Ta thoát thai từ một loài chim VIỆT
Chấp cánh bay cao mộng ở sông hồ
Quê hương ta với hình con chữ S
Niềm thương này ta ca ngợi thành thơ ...!

Tắm bể đồng da nhuộm màu của nắng
Lấy TRƯỜNG SƠN làm ý chỉ kiêu hùng
Lấy rừng già làm tổ loài chim VIỆT
Bốn ngàn năm, ta tiến mãi không ngừng ...!

Từ ai bắc vượt non ngàn thiên lý
Tiến về Nam qua bao độ gian truân
Gươm thiêng hùng — máu dù rơi ngập đất
Ta chưa hề gầy cánh bước phiêu luân ...!

Ta oai vệ lướt bão bùng đem tới
Lấy sao NAM mở bờ cõi bao la
Đón gió trăng dương tắm gội SƠN HÀ
Đồng lúa chín xây nhà NAM chìm VIỆT

Sông chín cửa mang phù sa thấm thiết
Ngon Trường Sơn dựng cột sắt nhà NAM
Lấy HỒNG HÀ điểm tô giống HỒNG LẠC
Nước VIỆT hùng rạng rỡ cõi trời ĐÔNG ...!

Mộng Hoàng đế ai xây thành VAN I Y ?
Đem chiến chinh bắt ta phục qui hàng
Cây thế mạnh đem vạn quân xâm lấn
Ta chỉ hàng tiêu diệt lũ sai làng ...!

Đừng mộng tưởng đất nước này dễ chiếm
Phút điều linh chẳng hiểm khách hùng anh
Rời vỡ mộng hận cuồng chinh ô nhục
Nước VIỆT NAM là LINH ĐƯỢC trường sinh !

ĐỖ - MINH - CANG

Chúng ta cương quyết giữ vững miền đất quê hương và hơn ai hết, chúng ta đã thấu hiểu sâu sa thế nào là nhục vong quốc. Người lính chiến cầm súng giữ quê hương là để bảo vệ tự do cho con người, để đất nước này khỏi rơi vào vòng nô lệ :

ĐÔI BỜ

Một sớm già biệt vòm trời thơ dai
Vui bước đường trình xếp áo thư sinh
Đem tuổi Thanh xuân làm thân lính chiến
Vội ước vọng
Làm KINH KHA qua dòng Dịch Thủy
Đề diệt loài quỷ đỏ xâm lăng
Hầu nổi lại HIỀN LƯƠNG Nam Bắc
Xóa bỏ hận thù chia cắt quê hương
Ôi ! Tù nhục
Nhục nào bằng chia cắt quê hương
Quê hương mình đang con khối lửa
Nhà trống — Ruộng hoang
Những mái đầu xanh vô tội
Con mất cha vợ mất chồng
Tang tóc — Đau thương !

Ôi Tự Do ! Ôi giải phóng ? Quê hương
Hận sông Gianh !
Dòng sông Ô nhục
Đầy Bến Hải
Dòng sông chia cắt hận thù
Bên này — miền Nam tự do
Bên kia — miền Bắc sương mù hỏa ngục
Dù đôi bờ ngăn cách
Tôi vẫn mong non nước Việt THANH BÌNH

MINH LÝ
Chiến Đoàn 33

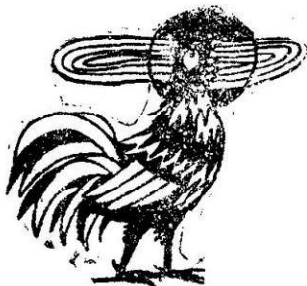
Rộng lớn hơn nữa, Hoàng Thế viết những thơ tình yêu cả ba miền sông núi :

Tôi yêu sông núi Việt-Nam
Có hồn thiêng ngự trị
Có núi sông hùng vĩ
Có Trường Sơn, có Đồng Tháp, có Ba-Vi
Tôi yêu những nẻo đường
Nuôi chí lớn người đi
Mang xương máu diễm tô trang sử Việt
Nét vàng son bốn ngàn năm oanh liệt
Bốn ngàn năm rạng chói giồng Rồng Tiên
Tổ Quốc ơi ! sông núi ba miền
Tôi yêu lắm người mẹ hiền dân tộc
Mẹ Việt-Nam hăm ba năm tang tóc
Hăm ba năm máu lệ chan hòa
Tôi yêu tất cả —
Một tình yêu lớn
Tình yêu bao la
Trang trải hết cho quê hương ngọt lịm
Cho đẹp khúc tình ca

Hoàng Thế nhớ về những bà mẹ già một hai sương, thương những đứa con ra đi giết nhớ những người vợ hiền thay chồng nuôi con. tình yêu quê hương thấm thiết, Hoàng Thế những xóm làng, bờ tre, hàng dừa, những đồi tỉ nương lúa.

Còn nhiều, nhiều nữa, bao nhiêu tình yêu hương bao la như biển rộng qua những văn chiến sĩ. Chúng tôi xin hẹn trở lại với bạn đọc t những kỳ báo tới ●

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cầm đàn bà

MUA LÀM GÌ NỮA

Thái có nhiều tiền nhưng không chịu sắm xe, mà chỉ đi nhờ của bạn bè. Một hôm Thái tâm sự với Tuấn :
— Anh có xe hơi, thằng Khải, thằng Khánh đưa nào cũng có xe hơi cả. Đi đâu, thì nhờ anh và chúng nó là được rồi. Anh tính như vậy thì tôi còn cần mua xe hơi làm gì nữa.

Ý chừng cũng quá chán sự tính toán kỹ lưỡng của bạn nên Tuấn thủng thỉnh đáp :

— Nếu nói như anh, thì tôi cũng chả nên lấy vợ làm gì, vì anh đã có vợ và hầu hết bạn bè của tôi đều có vợ cả rồi.

LẦN THỨ HAI MỆT LẮM

Hai vợ chồng kia tới bác sĩ. Người chồng vào phòng mạch trước, trong lúc vợ chờ ở ngoài. Người chồng có vẻ thẹn thò, nói nhỏ :

— Thưa bác sĩ, vấn đề gần gũi với vợ tôi, tôi rất kém. Bác sĩ cho thứ thuốc gì.

— Thế lúc gần bà, ông thấy sao ?
— Thưa bác sĩ lần đầu thì rất khá, không có điều gì đáng phàn nàn. Nhưng tới lần thứ hai thì... nhục nhằn, mồ hôi tôi vã ra như tắm.

Bác sĩ bảo người chồng ra ngoài mời người vợ vào và hỏi.

— Xin bà xác nhận có phải như ông nói với tôi lần đầu thì không có chi đáng nói, nhưng lần thứ hai thì ông thò, nhục và ra nhiều mồ hôi. Nếu thế thì hơi kỳ lạ nhỉ ?

Người vợ cười khẩy :

— Bác sĩ thấy lạ chứ tôi chả thấy có gì lạ cả. Vì lần đầu vào lúc giáp

Tết, trời còn lạnh mà lần thứ hai thì mới tháng tư vừa rồi.

XIN ĐỪNG XÔ CON.

Một nông dân nghèo thật là nghèo, một hôm leo lên tận đỉnh núi ngọn núi cao nhất trong vùng để cầu nguyện Thượng Đế phù hộ cho anh. Anh tin tưởng lên cao như thế anh sẽ gần Thượng Đế hơn. Anh ngửa mặt, mắt lim dim khấn khứa. Anh ngửa mặt, ngửa mặt cao nữa rồi vì mất thăng bằng anh té xấp xuống đất. Lồm cồm bò dậy, anh chấp tay vái rồi cầu nguyện :

— Nền Thượng Đế không giúp đỡ con được cái gì thì xin Thượng Đế cũng đừng xô con chứ !

EM CŨNG VẬY

Một sĩ quan người Anh trúng đạn hư một con mắt trong thế chiến thứ hai. Khi giải ngũ ông cưới một cô gái trẻ đẹp, giọng giỏi quý tộc và học thức cao. Ông tin tưởng rằng vợ ông còn là một trinh nữ. Nhưng trong đêm tân hôn chú rể đã thất vọng về điều tin tưởng này. Ông trách cứ vợ ông đã lừa dối ông không thú thật với ông trước ngày cưới.

Cô dâu nói với chú rể :

— Anh hẹp hòi lắm. Tại sao lại quá chú ý tới cái sự nhỏ nhẻ mà em đã trót đánh mất trước k anh. Anh thử tự xét anh xem, cũng mất một con mắt mà em có nản gì đâu.

Người chồng nổi giận :
— Cái đó không phải lỗi tại Đó là kẻ thù của anh nó gả cho anh.

— Nếu thế em còn đáng tha hơn vì không do kẻ thù gây ra do người bạn thân của anh mà.

KHÁM BỆNH

Một bà thấy trong mình hơi chịu liền tới khám bệnh tại phòng mạch. Bác sĩ hỏi :

— Bà có khó thở không ?
— Dạ, không !
— Bà có hay rụng mình khê ?
— Dạ, có !
— Đêm ngủ bà có ng rãng không ?

— Thưa bác sĩ điều này không thể trả lời bác sĩ được.

— Sao vậy !
— Vì khi ngủ tôi bỏ hai răng trên bàn.



HƯƠNG XUA

NÊN HIỂU BÀI CA DAO THẮNG BỜM NHƯ THẾ NÀO ?

THIỆN CẦN

T RÊN 20 năm nay, hay nói cho đúng hơn, từ khi quyển *Kinh Thi Việt Nam* của Trương Tửu ra đời (Hàn Thuyên — Hà Nội, 1940) nghiên cứu về ca dao Việt Nam, tôi đã nuôi ý định bỏ hết thì giờ để cũng sưu tầm nghiên cứu về vấn đề này. Sở dĩ như vậy là vì mỗi lần sau khi đọc đi đọc lại cuốn sách trên là mỗi lần lòng tôi lại thấy bùng lên một phản kháng. Phản kháng bởi cho rằng tác giả thay vì phải đặt ca dao vào đúng vị trí của nó — một vị trí thuần túy, văn chương hay ít ra sự hình thành và hình thức cấu tạo ra nó cũng phải được xây dựng trên một nền tảng có tính chất văn chương, nếu không làm sao nó có thể tồn tại được đến mãi ngày nay — đang này ông Trương Tửu lại đem nhào nặn nó trong một cái khuôn xã hội cứng nhắc.

Dành rằng có thể nghiên cứu ca dao theo khía cạnh xã hội hay bất cứ khía cạnh nào khác, tâm lý, kinh tế, đạo đức, giáo dục... nhưng điều cần và đủ là đừng quên chỗ nó đang nằm là lãnh vực văn chương. Và đừng cho người đọc có cảm tưởng là ca dao chỉ có một khía cạnh duy nhất đó thôi, ngoài ra không có gì khác. Nếu «chỉ có thể thôi» thì có khác gì mấy anh mù sờ voi. Lấy một phần trong toàn bộ thì còn gì thiếu sót và khiên cưỡng bằng.

Người ta có thể tìm hiểu tục lệ Việt Nam qua miếng trầu trong ca dao, nhưng tục lệ Việt Nam nhất thiết không phải chỉ được thể hiện ở trong miếng trầu. Điều đó là hiển nhiên.

T rên đường đi tìm tôi những cái hay, cái lạ, từ ngôn ngữ, hình thức, nội dung đến sự biến chuyển cũng như cách giải thích da dao, tôi đã gặp được rất nhiều người. Có lớp người cũ như Trương Tửu, Nguyễn Đăng Thục, Nghiêm Toản, Bửu Cầm... Cũng có lớp người mới như Lê Tuyên, Thuần Phong, Thái Bạch, Sơn Nam, Thanh tâm Tuyên... Còn nhiều nữa nhưng không kể hết.

Và trong công cuộc sưu tầm này, tôi cũng bắt gặp được một vài ý kiến mới lạ, có khi chống đối nhau xin đem bài **THẮNG BỜM** để làm dẫn chứng.

Bài này có thể nhìn dưới nhiều khía cạnh. Tôi nhớ rõ hồi còn sống ở khu vực dưới quyền kiểm soát của CS, tôi đã được các đồng chí lên lớp giải thích như vệt bài này đến hàng mấy chục lần. Điều này làm tôi ngán

ấn, ngán như ăn cơm nếp nát. Không, hơn thế nữa, ngán như xem một vở tuồng diễn đi diễn lại mãi trên Ti vi, đoán trước được vai gì sẽ ra và sẽ nói câu gì (thể mà người ta dám xưng xưng tuyên bố là thể theo lời yêu cầu của một số đồng khán giả thì lạ thật !)

Các đồng chí đã dạy cho chúng tôi biết rằng bài này đã vẽ ra 2 giai cấp rõ rệt, một bên là phú ông kẻ giàu có quyền thế tượng trưng cho giai cấp bóc lột, còn một bên là **THẮNG BỜM** kẻ nghèo túng tượng trưng cho giai cấp bị bóc lột mà phần đông là nông dân Việt Nam. Xa hơn nữa, có đồng chí còn bóp méo khi bảo rằng **thắng BỜM** đáng lý phải gọi là **thắng BẦN** mới đúng và mới cân xứng với chữ phú ông. **BẦN** đối với **PHÚ**, nhất là phù hợp với quan niệm đấu tranh giữa 2 giai cấp. Nhưng gọi **thắng Bờm** cũng phát hiện (!) được nhiều ý nghĩa, người giàu thì có tiền ăn học, có chữ nghĩa nên được gọi bằng tiếng chữ «phú ông» cho có vẻ cao sang quyền quý, còn **thắng BẦN** (!) vì đầu đề **bờm** nên nhìn đầu mà gọi tên, gọi **BẦN** ban bán sang **Bờm** lại rất giản dị, phù hợp với quan niệm của người bình dân (**thắng cu, thắng cò, cái him, con tũn...**).

Thắng Bờm bị bóc lột đến tận xương tủy. Ngay cái quạt mo là vật duy nhất nó còn thì cũng bị tên phú ông gian ác (!) bày ra mọi mưu mẹo, tìm mọi cơ hội để tước đoạt. Cái quạt mo có thể là vật cần thiết đối với **Bờm**, dùng để đựng cơm, che nắng, xua ruồi còn đối với phú ông hiển nhiên chẳng có giá trị gì cả thể mà lão cũng cố chiếm cho được, thế mới biết đầu óc tư hữu và lòng tham không đáy của bọn địa chủ cường hào nó ghê gớm đến chừng nào. Nó muốn chiếm cái quạt mo của **Bờm** để **Bờm** trở thành tên tay trắng hoàn toàn rồi rồi cạy lại cái đầu quay về sống kiếp nô lệ cho nó.

Mà đừng tưởng nó đại đem 3 bó 9 trâu, ao sâu cá mè... đem cái lớn đổi lấy cái nhỏ, đem cái nhiều đổi lấy cái ít, đem cái có giá trị đổi lấy cái chẳng có giá trị gì cả. Nó đã quyết nghĩ rằng nếu có được trâu được bò thì **Bờm** cũng chẳng biết làm gì khác hơn là lại trở về cây ruộng cho mình, chứ một miếng đất cắm dùi **Bờm** cũng không có, kiếp sống của **Bờm** đã là kiếp ngựa trâu rồi thì có trâu bò có ích gì đâu.

Chính **Bờm** cũng nghĩ thế nên đã khước từ sự đổi chác đầy tính chất bịp bợm của phú ông. **Bờm** suy

nghĩ sâu xa về thân phận mình ý thức được vai trò của giai cấp mình. Từ những tiếng từ chối quyết liệt «chẳng lấy» cái này, «chẳng lấy» cái kia trước những bà độc phú ông đem như trước mặt, **Bờm** đã dám nhìn phú ông bằng con mắt khi thị. Cái sen đổi chác cuối cùng giữa năm xôi và cái quạt mo đã làm cho **Bờm** cười. Cái cười đây không phải là cái cười chấp nhận, ưng thuận hay thỏa hiệp mà là cái cười chua xót, khinh bỉ trước cái lỗ bịch, kệch cỡm của bọn có của. Cái cười đó sẽ làm phú ông bị tê tái và gục ngã chứ thỏa hiệp thế nào được với những tên đại gian đại ác như vậy... (Tiếp theo là một bài học dài về công tác phóng tay phát động quần chúng đấu tranh chống địa chủ...).

Sau này tôi lại được đọc bài **thắng Bờm** với luận điệu tương tự trong tờ tuần báo **THẾ KỶ** xuất bản tại Hà nội. Tôi chỉ là một điều là tại sao ở một khung trời tự do như Hà nội lúc đó lại có thể có người ôm ấp một quan niệm hẹp hòi như vậy được.

Tôi cũng được đọc một truyện ngắn về **thắng Bờm** của **Thâm Tâm** hay **Tô Hoài** gì đó không nhớ rõ, đáng trong loại sách **Truyện Bả**. Do nhà Tân Dân Hàng Bông xuất bản. Vì là loại sách dành cho thiếu nhi nên tác giả đã biến truyện **thắng Bờm** thành truyện cổ tích mang nhiều dấu vết huyền bí, hoang đường. Cái quạt ước của **thắng Bờm** là một cái quạt thần, quạt ước (cũng như sách ước), miếng lam nhằm úm ba la một cái là muốn sao được vậy. Nó chẳng khác truyện cây đèn thần của **Aladin** trong bộ **Ngàn lẻ một đêm** của **sứ Ai Cập** huyền bí.

Không những tôi không ngạc nhiên về lối xây dựng như vậy mà còn cho đó là điểm cần thiết, vì loại truyện dành cho trẻ con được phép giải quyết theo lối đó, phù hợp với trình độ hiểu biết và khối óc non nớt của chúng, và có thể mới vui mới sống động. Cần thiết hơn nữa vì giả sử cái quạt mo kia là cái quạt tầm thường như trăm nghìn cái quạt mo khác thì làm sao có thể khiến phú ông tin bao nhiêu công của để năn nỉ đánh đổi như vậy. Mặc cho cái quạt mo của **thắng Bờm** một tính cách huyền bí tức là đã tìm được giải pháp cho vấn đề một cách đơn giản, thoải mái, tìm được «cái hậu» cho câu chuyện, cái gỡ nút cho một mớ chỉ rối. (dénouement heureux). Nói khác đi, như vậy là đã hạ một nhát cuộc quyết định để khai thông cho giọng tư tưởng đang bị lẫn lộn trong tác phẩm.

Nhưng có điều mà trẻ con không đặt ra nhưng những người ưa suy luận như chúng ta cần phải đặt. Đó là vấn đề nếu đã có quạt thần như vậy thì ước trâu bò cá chim gì chả được, ước mâm cao cỗ đầy sơn hào hải vị bao nhiêu mà chả có cần gì phải đi nhận đổi lấy một năm xôi ? Bao nhiêu lý do viện dẫn chẳng hạn như vì **Bờm** hiểu với mẹ mà mẹ đang ốm thêm ăn xôi hay chiếc quạt mo thần sắp đến thời hạn hết linh nghiệm... cũng đều không vững cả. Nhưng đây là truyện dành cho nhi đồng như trên đã nói, tưởng chúng ta không nên mất quá nhiều thì giờ đi sâu vào chi tiết nữa.

Nhớ lại khoảng 10 năm trước đây khi còn phụ trách giảng dạy về môn kỹ thuật tuyên truyền, tôi cũng từng đem bài **THẮNG BỜM** ra để làm dẫn chứng trong bài dạy. Nhưng tôi đã nhìn bài đó dưới một lăng kính chuyên môn, nhất là chỉ khai thác một khía cạnh nhỏ trong vấn đề tâm lý mà thôi. Như vậy chắc chắn không thể nào tránh được thiếu sót và gò ép.

Tôi đã gán cho phú ông như một nhà tuyên truyền mới chấp chững bước chân vào nghề, đối tượng ông phải chinh phục là **thắng Bờm** và để đạt tới mục đích là làm sao chiếm được cái quạt. Nhưng phú ông đã không nắm được nhược điểm tâm lý của **Bờm**, ông đã phải dẫm từ 3 bó, 9 trâu cho đến cuối cùng là năm xôi **Bờm** mới chịu. **Bờm** chịu bởi vì chỉ có năm xôi là cái thực tế trước mắt, tuy nhỏ nhoi, tuy giá trị không đáng gì so với những thứ kia nhưng nó lại đủ quyền lực để thỏa mãn cái dạ dày lép kẹp đang hành hạ **Bờm**. Và lại cái khối óc tầm thường của **Bờm** chỉ dám nghĩ, dám ước ao những cái tầm thường, đến khi gặp những dang hiển to lớn vượt quá những điều mình mơ tưởng thì lại làm cho chàng ta bàng hoàng đề rồi nghi ngờ không biết là thực hay mộng nữa và sau cùng đã quyết định từ chối.

Từ bài **thắng Bờm**, tôi đã rút ra một bài học kinh nghiệm cho công tác tuyên truyền. Tôi cho rằng muốn chinh phục một người nào trước hết phải tìm được cái sở thích của họ, chẳng khác nào một võ sĩ thượng đài phải nhắm các huyết đạo của địch thủ mà đánh. Đó là một điểm tâm lý hay nói văn hoa một chút, đó là cái khả kích điểm (vulnérabilité). Và điều cần ghi nhớ là không phải sở thích của mình bao giờ cũng là sở thích của người khác. Đừng có chủ quan. Chính phú ông nọ còn cái sở thích làm giàu mười đụn còn muốn đụn nữa nên đã ngỡ **thắng Bờm** cũng có ý ấy. Vì thế mấy lần ông đã gặp thất bại. Tìm được sở thích của đối tượng rồi phải dùng phương tiện thích hợp để chuyển tới họ. Đó là tất cả ý nghĩa tôi muốn trình bày trong bài giảng.

Ông Nguyễn đăng Thục trong cuốn **Triết lý Văn hóa** khái luận (Văn hữu Á châu — Saigon, 1959) cũng có đoạn nói đến **thắng Bờm** (trang 40, 41). Nhưng ông đã xét theo khía cạnh dân tộc tính.

(Xem tiếp trang 16)

6 TÁC GIẢ VIẾT VỀ

LÊ XUYÊN hàng me xanh đường espagne

ANH VIÊN LINH đã làm tôi bối rối khi anh bảo tôi viết về Saigon.

Quả thật tôi là dân Sài Gòn nhưng tôi chẳng để ý đến một điều gì đặc biệt về Saigon. Và mặc dù cư ngụ tại Saigon gần hai chục năm nay, tôi vẫn thuộc vào loại dân Sài Gòn... cũ lần nữa. Có khi trong cả mấy năm liền, tôi chẳng có dịp nào rêu trên mấy con đường như Tự Do, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... Bất quá chỉ phóng vespa xẹt ngang qua là cũng.

Và còn điều này nữa — nếu nói ra thì «xấu hổ ông bà» thiệt — tôi chưa có dịp nào ngồi ở Givral, Continental, Caravelle....

Saigon đối với tôi cũng chẳng khác gì một người mà mình quen mặt, vì ngày nào người này cũng đều đặn đi ngang qua nhà mình, nhưng mình chẳng rõ họ tên, chẳng rõ gia cảnh, và cũng chẳng thấy có lý do gì để tò mò tìm hiểu thêm người này làm chi.

Nói vậy Saigon chẳng là gì cả đối với tôi sao? Không đâu óc tôi vẫn còn ghi đậm nét một hình ảnh của Saigon. Một hình ảnh bé nhỏ mà tôi ghi nhận hồi tôi hãy còn... bé nhỏ trong lần đầu tiên tôi được «ông già» cho đi Saigon và ngụ tại một khách sạn ở đường Espagne, tức là đường Lê Thánh Tôn bây giờ.

Dưới mắt một đứa bé nhà quê của tháng tôi lúc bấy giờ, cả Saigon rộng lớn và huy hoàng như vậy mà tôi chỉ để ý đến hàng me xanh um của con đường Espagne, với tiếng lóc cóc leng keng của xe thồ mọ vào buổi sáng sớm.

Cho đến bây giờ tôi cũng chẳng hiểu tại sao tôi lại nhớ dai cái hình ảnh chẳng có gì huy hoàng đó. Ngày nay, hàng me, xe thồ mọ không còn nữa...

Và trong đôi dịp hiển hoi thả rêu trên con đường Lê Thánh Tôn, tôi vẫn ngẩn ngơ nhớ tiếc một cái gì. Chắc không hẳn chỉ là nhớ tiếc hàng me xanh um cùng tiếng lóc cóc leng keng của chiếc xe thồ mọ...

DUYÊN ANH Saigon và tôi

Ba tháng trước tôi được nói chuyện về Sài Gòn với người phái viên vô tuyến truyền hình của đài BBC tại quán rượu Continental. Người phái viên tên là Richard Taylor, trẻ hơn tôi mười tuổi. Anh ta muốn thu hình tôi và muốn tôi vì vút vài câu tiếng Anh. Tôi từ chối. Một phần vì tiếng Anh của mình lem nhem, một phần vì tôi không thích nói cho một người ngoại quốc nghe về một thành phố không có linh hồn. Thành phố ấy, dù nó tôi tệ cách mấy, tôi vẫn thương yêu nó.

Vì suốt đời tôi phải bám vào nó mà sống, mà viết. Tôi sẽ chẳng bao giờ đủ tiền tềch đi Âu châu, Mỹ châu, Úc châu. Và dù không được công nhận là một nhà ái quốc thật lực, tôi cũng không dám ngoác miệng khinh miệt quê hương mình như một lũ vong bản đã và đang khinh miệt quê hương chúng ở nước thiên hạ. Do đó, tôi chỉ kể cho Richard Taylor nghe về một Saigon tương lai không hề bị ảnh hưởng cạn bở của văn minh Tây phương.

Người thông ngôn, anh Vũ Trọng Đào, đã thông ngôn đúng ý của tôi. Richard Taylor thất vọng. Những kẻ muốn bôi bẩn thủ đô của tôi đã thất vọng. Tôi không biết Nhã Ca có thu hình? Nhưng Trịnh Công Sơn từ chối và Khánh Ly chỉ hát vài bài tiếng Việt.

Tôi rất ghét bọn phái viên vô tuyến truyền hình Nhật Bản. Ông kính của họ không nhìn vào được trái tim của Saigon thời chiến. Họ chỉ đủ khả năng nhìn những mụn ghẻ trên thân thể Sài Gòn. Cho nên, cái khả năng ấy đã khai thác triệt để ở những đầu đường, xó chợ.

Họ quay những đoạn phim con nít ia bảy, những người cúi ngời nhìn vết thương lở loét, những đứa trẻ bới rác kiếm lon đồ hộp Mỹ, những cô nhi thất thêu gấu tay «ô kê Salem», những gã thích đá bảy... và bảo: Saigon, thủ đô của tôi là như thế đấy. Để tiện hơn, họ còn quay cả đoạn phim lính Mỹ đang ngủ với điểm đề phụ họa lời tuyên bố vàng mười của Thượng nghị sĩ Fulbright: «Saigon là một đống đổ nát».

Saigon, với tôi, như một người tình bị hắt hủi. Tôi hắt hủi Saigon nhưng tôi không thích người khác hắt hủi Saigon. Như vậy, tôi còn yêu Saigon lắm lắm. Và tôi biết chắc Saigon cũng yêu tôi. Yêu thiết tha là đằng khác. Dù bị tôi hắt hủi, Saigon vẫn để tôi Tự Do, vẫn cho tôi tình thương, cơm áo, vẫn mặc tình tôi viết lách, vẫn bày sách của tôi đây via hè, vẫn đọc tôi để thương tôi hơn. Tôi lấy cớ gì để ghét Saigon?

Chúng ta lấy cớ gì để ghét một thành phố đang dung dưỡng chúng ta. Hà nội có để anh sống, nghĩ và viết như anh đang sống, nghĩ và viết ở Sài Gòn? Anh sẽ héo khô trên danh vọng của anh ở Tokyo, Paris, Londres hay Washington... vì không một người Việt Nam nào thêm đọc anh cả. Muốn sống thoải mái với danh vọng của mình ở đất người, anh phải được sống với danh vọng của mình ở quê hương anh trước đã. Có ai biết những nhà văn Việt Nam, viết tiểu thuyết Tây bây giờ ra sao không nhỉ? Tôi tưởng tượng họ đang lêu bêu như chó mất chủ. Vì họ đã không được sống, nghĩ và viết về Saigon, ở Saigon.

Cái lòng thương yêu Saigon của tôi chỉ có tôi hiểu. Nếu anh đã một lần xa Saigon, anh mới thương yêu nó dù anh vẫn hắt hủi nó. Tôi và Hoàng Anh Tuấn đi lang thang bốn buổi chiều ở Kuala Lumpur. Không có một quán cóc nào như quán cóc gần Tổng Ngăn Khố Quốc Gia Sài Gòn.

Bây giờ, chúng tôi thêm một đĩa «phá lẩu», một chén thịt bò viên, một con tôm nướng, một đĩa bánh cuốn xe. Và yêu Saigon vô cùng. Một tuần lễ ở Tokyo, Huy Văn và tôi tìm ra ngoại ô. Chúng tôi đã vào quán cóc nhậu bia đen với thịt gà nướng. Thua nem nướng Saigon xa. Lại nhớ Saigon. Nhớ nem nướng chợ Bến Thành, nhớ bún chả chợ Thái Bình... Ở Hồng Kông còn chán nữa...

Tôi sẽ không yêu Saigon. Nếu tôi mang được Sg theo mỗi lần tôi đi xa Saigon. Nhưng giá mang được Saigon, làm sao tôi mang được trái tim và hơi thở của Saigon nhỉ? Trái tim Saigon hôm nay, tôi nghĩ, là Mai Thảo, là Sơn Nam, là Lê Thu, là Thái Thanh, là nem nướng, là bún chả... Hơi thở Saigon, tại sao không thể là những giọng tạp ghì của ký giả Lô Răng, của Gã Thâm... nhỉ? Những thứ đó, ở bất cứ một chân trời nào cũng hiếm hoi. Vì thế, tôi yêu Saigon.

DƯƠNG TRỮ LA trông quán cơm tấm bì

Ngồi ở quán cơm tấm quen thuộc của những người hay đi ăn ban đêm. Quán cơm tấm bây giờ đã khác nhiều, như con đường chạy ngang trước quán. Con đường Trần Quý Cáp.

Ngày xưa nó chỉ là một đoạn đường nổi dài cho một con đường có cái tên rất Phú Lang Sa. Ngày xưa quán chỉ là một mái lá âm mục, hàng cơm được dọn trên một bộ ngựa pháp phu siêu veo. Bà chủ quán cũng ngồi ngay trên ấy với cái rổ đựng tiền có nắp. Khách ăn ngồi quanh bộ ngựa với những chiếc ghế thấp ghép bằng ba tấm ván đơn sơ. Ăn xong, uống một tô trà quế nóng hổi và bàn chuyện nắng mưa của trời đất.

Bây giờ con đường đã khang trang sạch sẽ. Đèn điện sáng. Hai dãy phố lầu cao ngất. Quán cũng đổi thay. Hai tầng lầu gạch đúc. Đèn nê ông xanh lè. Khách ngồi bàn ghế cần thận, ăn xong, uống trà đá, hoặc «33».

Sự đổi thay tự nhiên của giòng đời. Không có gì lạ, không có gì u hoài để thương nhớ ngày xưa, vì không lẽ ta lại chặn đá tiến lên của xã hội.

Thương một điều, món ăn vẫn là món cơm tấm bì chan nước mắm.

Dăm ba cô cậu choai choai uả vào quán, ăn uống, nói nhỉ nhõ. Họ coi cuộc đời chỉ có họ, chỉ có hôm nay. Cốc cần ngày mai, đểch nhớ hôm qua, ồn ào nói tục. Sẵn sàng dăm đánh, bất kỳ giờ phút nào, dẫu chỉ là một trái ý còn con.

Vài người trọng tuổi ngồi trầm ngâm, tư lự, không biết làm gì cho hết giờ, không buồn nghĩ đến bất cứ một việc gì. Nhìn dăm trẻ nhăng nhố, buồng tiếng thờ dãi nhè nhẹ, không phản đối, không tán thành. Tất cả chỉ nằm trong một tâm trạng chung: Hòa bình có đến không? Bao giờ đến? Hay vẫn còn chiến tranh?

Hòa bình đến để làm gì? Họ cũng chưa biết, lững lờ lơ lờ. Họ chỉ chờ đợi thanh bình, để bớt chết chóc, bớt khổ đau. Họ tìm tưởng như Hòa bình sẽ ổn định ngay được những gì họ đang hoang mang trong lòng.

Thương một điều họ vẫn mang kiếp sống mà không biết làm gì!

Hai người say ngồi lè nhè tán gẫu. Một người nói: Đủ quả, say hoài một quá! Người kia hỏi: Mấy tỉnh để làm gì? Để nhớ cái thân phận không ra gì của mày hả? Để thấy rõ cái xác sâu bọ của mày hả? Thôi say đi. Say cho quên còn sướng hơn.

Ông công chức tốt nghiệp nào đó, có đứa con gái tự tử vì cảnh gia đình nghèo, tội quá! Ông ta gửi thư than thở khắp nơi — Để làm gì? Rồi cũng như không. Rồi đầu cũng vào đó. Rồi cũng lãng quên. Cũng chỉ như muối bỏ biển. Vô ích — Ừ, vô ích thiệt. Mà cũng thương, có người kêu cứu.

Thương một điều họ cũng biết lo mà không làm gì được.

Những người đàn bà nối đuôi nhau chờ xin việc làm ở một hãng nọ. Chờ đợi mấy ngày rồi còn điều tra tới, điều tra lui. Cuối cùng được thuê nhận vào làm với số lương hai ngàn rưỡi.

Thời buổi này còn những người đàn bà chịu

MỘT THÀNH PHỐ

đi làm với số lương hai ngàn mấy? Hồi ra mới biết họ là vợ, là con của những tư sĩ, những thương phế binh. Cha, chồng họ đã đánh giặc, đã gian khổ ở chiến trường, để rồi bỏ lại vợ con bơ vơ, hoặc kéo lê thế kiếp đời còn lại ăn bám vào vợ con, với đồng lương thật thấp kém.

Còn những người đàn bà sống lam lũ vì chồng con... chưa hết, vẫn còn những gì gọi là niềm tin trong lòng người dân Việt. Vẫn còn đâu đây những người âm thầm làm việc cho ngày mai.

Thương quá !...

Quán đã đóng cửa. Saigon bình yên ngủ đi tiếp tục ngày mai, nếu giữa đêm không có những trái đạn 122 ly nổ.

VƯƠNG TÂN nói với thành phố

Nói với em, người tình thứ nhất
Thành phố với những hàng cây sao
Những bông hoa mùa gió lớn
Những buổi trưa oi nồng
Những buổi chiều mát rượi
Những ly rượu bọt màu hồ phách
Và mắt em đen hạt huyền
Người tình thứ nhất nào không diễm kiều
Thành phố đầu tiên miền đất lạ thật đáng yêu
Tuổi trẻ qua đi cùng biển động
Những biển động vô duyên như tiếng súng nổ
Tuổi trẻ qua đi cùng buồn thảm
Những đêm giới nghiêm thức giấc bởi hòa tiền
Ly rượu bọt màu hồ phách
Cơn đường cũ không bóng cây
Thành phố đang đổi thay
Và người yêu thứ nhất đã đi lấy chồng
Anh lại muốn nói với em, tình tự với
thành phố
Đời người còn nhiều biến động
Những biến động vô duyên như súng nổ;
như chết chóc
Phép màu nào đã cho chúng ta gần nhau
Phép màu nào đã cho chúng ta lớn lên
Và thành phố thêm kỳ ảo
Ngã tư đường hẹn nhau thuở trước
Đã thành ngã tư lịch sử
Tình yêu của chúng mình chỉ còn trong
trí nhớ
Trí nhớ nào không mới mòn
Và có ngày lãng quên

TRẦN ĐỨC UYÊN một cách đi xa saigon

Càng ngày thấy Saigon càng khó thở. Khó thở vì chiến tranh, vì pháo kích, vì ám sát, vì chất nổ. Và cũng càng ngày thấy Saigon càng ngột ngạt. Ngột ngạt vì khói xe, vì chen chúc, vì nắng.

Thêm vào đó, Saigon thật rời rã. Chính trị rời rã. Báo chí rời rã. Văn nghệ rời rã. Và lòng người rời rã. Mọi sinh hoạt có đấy mà hình như đang ngưng trệ, giăng hết chiếc bánh xe sắp ngừng, chỉ còn quay những vòng chậm chạp mệt mỏi.

Lang thang trên đường phố Saigon đã hết cái thú. Vào các phòng trà, các quán cà phê nhâm nhi đầu lảo củng chẳng còn gì hương vị. Mọi người đang sống trong một không khí chung: không khí chạy đua kiếm tiền và hưởng thụ. Già hưởng thụ theo lối già. Người nào còn khỏe, có tiền thì bao gái tháng. Có khi dăm ba «cụ» hùn tiền thuê chung một cô. Người nào «yếu địa», hết gân cốt thì giải sầu bằng thuốc phiện.

Saigon, nhan nhản những tiệm hút và ô diêm. Bọn trẻ đứng ở hậu sinh khả úy. Chúng nó mới 15,16 tuổi mà đã biết chơi thuốc. Chẳng từ thứ gì: gái, thuốc phiện, cờ bạc. Đứa nào chán đời thì đi làm hippy, ăn mặc lơ lửng, hoa hoè hoa sỏi cùng mình, để tóc dài và nói năng mất dạy. Mấy đứa con gái mặc váy hở tới bẹn, khoái ăn, khoái diện, khoái nhảy nhót, chừng sa cơ lỡ bước thì đi làm nhà thổ.

Nhớ dạo nào tên hề chính trị Fulbright tuyên bố: «Saigon là một ô diêm vĩ đại». Vĩ đại cái mà mẹ nhà anh. Anh thì biết cái đếch gì mà nói: Một tên hề chính trị không thể biết gì hơn ngoài những mảnh khỏe, những thủ đoạn. Saigon thiếu gì diêm nhưng đâu phải tất cả Saigon, đều làm diêm. Hoa thịnh Đồn cũng có diêm vậy. Và chính anh, anh hề Fulbright, anh cũng là một thằng diêm.

Điêm Saigon xó nào mà chẳng có. Đồng ý, nhưng toàn diêm lậu. Làm quái gì có diêm công khai. Ở mà lạ, hề cái gì lậu, làm lên lút thì người ta lại khoái, lại hâm mộ.

Cái giống diêm thực kỳ cục. Hề càng cấm đoán, càng rường bắt, chúng càng sinh sôi nảy nở. Cách tốt nhất là công khai hóa cho rồi. Đành phải nhận chúng là một «thực tế» hay một «thực thể» của xã hội vậy.

Mà khổ lắm, lính của các nước bạn đồng minh lũ lượt thể kia, lại nhiều tiền, lại hào hoa phong nhã, cấm con người ta làm diêm sao được.. Con người ta nghèo, con người ta đói khát, chẳng làm diêm thì làm gì! Làm gì với cái thời đại khó khăn này để sống. Công chức lương tháng 4, 5 ngàn không đủ húp cháo.

Chính cái nghèo đã đẩy dân chúng Saigon làm nhiều nghề kỳ cục. Bơi đong rác, buôn lậu đồ PX Mỹ, đưa rước Mỹ bằng xe hai bánh, ăn cắp ăn trộm, ăn hối lộ, tham nhũng.

Tham nhũng và ăn hối lộ cũng gọi là một nghề. Nếu không, sao không trừ nổi và hàng ngũ tham nhũng càng ngày càng đông, mảnh khỏe tham nhũng càng ngày càng tinh vi, kín đáo ??

Ôi Saigon! Một tên nhạc sĩ nào đó đã ca tụng: «Saigon đẹp lắm, Saigon ơi, Saigon ơi». Đẹp cái khổ nào mà đẹp. Không nói nội dung rữa nát, ví dụ chỉ nhìn bề ngoài thôi, cũng đếch thấy gì là đẹp. Mấy cái building quên, mấy cái bar nhấp nháy đèn xanh đèn đỏ, những đường phố bẩn thỉu, rác rến, cứt dãi, bụi bặm, mà đẹp à ?? Thật ngớ ngẩn.

Ngớ ngẩn ghê! Thì trước giờ thiên hạ vẫn bảo Saigon là viên ngọc Á đông. Saigon Minh châu trời Đông, ai cấm! Thằng nào có mồm thẳng ấy nói. Nói là viên ngọc hay nói như tên hề chính trị Mỹ cũng được. Tự do!

Sống ở Saigon thật tù túng. Thèm khát một khoảng trời thiên nhiên, không biết đi đâu. Ra xa lộ, ngồi Quán Dừa vẫn thấy giả tạo, vẫn không được thoải mái. Đi xa nữa sợ kém an ninh. Chỉ có về đồng quê là khoái, nhưng bố bảo ai dám về đồng quê lúc này. Súng đạn nhan nhản biết thế nào mà tránh, «chú» một phát là đi đời nhà ma!

Rút cuộc, sống ở Saigon không có nơi giải trí. Các công viên nhỏ hẹp, khô cằn, bờ sông bẩn thỉu xò bờ, khu giải trí công cộng không có. Còn mô trường đua Phú Thọ nhưng lại phải có nhiều tiền để «nuống». Chém ai ra nhiều tiền bây giờ? Trừ đi ăn cướp, chạy áp phe hay tham nhũng. Nghề này vừa khó lại vừa có vẻ tồn thọ. Thở không ham.

Vậy là chỉ còn cách giải trí duy nhất rúc đầu vào xi nê. Cứ chiều thứ bảy hoặc ngày chủ nhật đến các rạp ciné mới biết dân Saigon thêm giải trí đến bật nà. Họ ùn ùn kéo nhau xem, không cần phim hay hay dở. Rạp nào cũng có khách. Ngồi nhà thì buồn. Mà đi biết đi đâu. Chẳng nhẽ vợ chồng con cái «rước đời» với nhau ngoài phố để hít bụi à? Vô duyên!!! Chăn đi ciné thì làm gì?

Dạo này phim kiểm hiệp thịnh hành và được ưa chuộng. Dễ hiểu quá, thực tế phũ phàng thì người ta phải thêm mơ mộng, dù chỉ mơ mộng thả hồn theo những ảo ảnh vô lý. Dù chỉ được được vài tiền đồng hồ người ta cũng muốn quên.

Còn gì thú bằng theo chân một chàng hiệp sĩ đồng hóa với chàng, cùng chàng trừ gian diệt bạo. Cái hình ảnh rách rưới, cô đơn của một chàng hiệp sĩ thật gần gũi với tâm hồn Á Đông. Từng bước chân thản trọng, từng đường kiếm ngang tàng gây được những cảm giác thú vị.

Tại Ba Tàu lúc này làm phim tiến bộ thật. Chẳng biết quay ở Hồng Kông, Đài Loan hay Tân Gia Ba mà phong cảnh hùng vĩ gớm. Trông phơn phớt cũng đủ mê, xuýt xoa mãi. Đúng là đối kh: «thiên nhiên» từ đời nào rồi!

Lại nữa, những cô đào nhí nhảnh, duyên dáng cỡ Trịnh Phối Phối, Thy Phối Phối sao dễ thương chi lạ. Xem phim Tây phim Mỹ đã nhiều nhưng vẫn thấy mấy cô đào xa cách làm sao ấy.

Cái điệu nghiệm phim kiểm hiệp và mê đào Ba Tàu như thế này, các cụ ta ngày xưa gọi là: gánh vác đi đồ sống Ngô.

Đồ đâu thì đồ, miễn là được quên Saigon quê đời sống hiện tại trong vài tiếng đồng hồ đỡ khổ.

NG. THỊ THỤY VŨ mái nhà, khu xóm

Tôi đã ở trọ nhà người trên hai năm. Sau này mới có một cái nhà riêng để bày biện, chưng dợt theo ý thích. Nhà của tôi quá hẹp, ở giữa xóm lạc động. Chung quanh, có vài nhà của các nghệ sĩ sân khấu về chiều, tiếng ca họ tắt mất âm vang. Tôi đã nghĩ nhiều cách sửa chữa nhà cho gọn mắt đôi chút, nhưng bất lực...

Ở giữa đô thành mà sắm được một chỗ ở, có nhà tắm, có chỗ làm bếp, có cầu tiêu kề cũng là quý. Tôi không hề phàn nàn, chỉ ao ước có thêm một cái quạt máy đặt trên căn gác có mái lợp tôn.

Lúc đầu, má tôi mua căn nhà đó chỉ tốn hai mươi ngàn đồng. Phải bỏ thêm gần ba chục ngàn để làm cái gác và sửa lại mấy khung cửa ra mục. Đồng tiền bỗng sụt giá. Người ta trả căn gác của tôi tới hai trăm ngàn đồng nhưng tôi không dám bán. Bán nhà này rồi, chắc gì tôi kiếm được chỗ ở. Nên gạch xi măng đen đúa, coi bẩn thỉu lắm. Tôi phải lột gạch bông. Phải sửa lại cái cầu tiêu bằng sành trắng. Căn nhà vẫn hẹp. Ghế bàn bày biện phải mua (Xem tiếp trang 11)

HỒ VĂN TƯƠI
HÃNG THẦU KIẾN TRÚC VÀ KIỀU LỘ
148, NGUYỄN - CÔNG - TRƯ - SAIGON
S.Q.G.D.B 17-314-09-001 TẾL : 22.131

ĐẦU NĂM 1969 SAIGON GIAĐÌNH SẼ CÓ THÊM MỘT
BỆNH VIỆN TOÀN KHOA RỘNG LỚN VÀ TRANG BỊ TÂN
HỜI, CÓ THỂ NHẬN 600 BỆNH NHÂN.

— CÔNG TÁC XÂY CẤT NÀY PHÍ TỒN ĐẾN 300.000.000đ.
O HÃNG THẦU HỒ VĂN TƯƠI THỰC HIỆN TRÊN KHU
ẤT CỦA BỆNH VIỆN NGUYỄN VĂN HỌC GIA ĐÌNH.

NAM THINH MAU DỊCH XA
importers - exporters
steel barge constructions
river and sea transportations

ĐẶNG - BÁ - THÀNH
MANAGER

Cholon office :
39, Chau van Tiep
Phone : 37.338

Mỗi tuần quý Bạn đọc nhớ đón xem :

TUẦN-BÁO
PHU-NỮ DIỄN-ĐÀN

— Là một Tuần Báo đứng đắn nhất

của khắp Gia-đình Việt-Nam —

WELCOME TO...

Embassy Hotel
Luxury as Moderate Prices

35, NGUYEN TRUNG TRUC street
SAIGON — VIETNAM

CABLE ADDRESS : embasotel
PHONE : 91.430 — 25.859

LÊ CÔNG TIỆM

ĐẠI DIỆN

- TRUNG - TÂM BẢO - HIỂM CÔNG - TY
- LIÊN - ĐOÀN HỒ - TƯƠNG BẢO - HIỂM

363, Trần - Hưng - Đạo, Saigon

Điện thoại : 21.463

QUỸ PHỤ CẤP GIA ĐÌNH
VIỆT - NAM

Đ.T. 25.540

194-195, Bến Chương Dương — Saigon

TỔNG NHA NGÂN KHỐ

Với Tân Thê chế Tài-Chánh áp dụng kể từ ngày 1 tháng 4 năm
1969, Tổng Nha Ngân-Khố phục hồi nhiệm-vụ căn bản và cổ truyền
là Thủ Quỹ của Quốc-Gia.

Ngoài ra, Tổng Nha Ngân-Khố lại còn phục vụ tùy theo sở thích
của quý vị khách hàng :

— TRƯỞNG MỤC KỶ THÁC HOẠT KỶ (niên ghi nhớ là chỉ
có Ngân-Khố trả mức lãi 1,50 o/o một năm) ,

— Trong một ngày gần đây, TRƯỞNG MỤC TIẾT KIỆM.

— CÔNG KHỐ PHIẾU với lãi xuất lũy tiến theo hạn kỳ,
kỳ danh hay vô ký danh, trả tiền ngay lúc xuất trình.

VỚI SỰ BẢO ĐẢM VỆN TOÀN CỦA
CHÍNH PHỦ

Riêng Tổng Nha Ngân-Khố có 36 Ty tại các Tỉnh và 1279 nhân-
viên, để phục vụ cho quý vị.

SÁCH NHẠC

VÀ

ĐẦY ĐỦ NHẠC CỤ

VĂN BÁN TẠI

MĨ TÍN

93, HAI BÀ TRƯNG SAIGON (PHÍA SAU HẠ NGHỊ VIỆN)

Đ.T. 25.312

HÃNG FILIA
NHẬP CẢNG THỰC PHẨM
ĐIỆN THOẠI SỐ 22.586

Địa chỉ điện tín
ETAFIL SAIGON

16, đường Tôn - thất - Thiệp (trên lầu)
SAIGON VIỆT - NAM

XƯỞNG ĐỒ HỘP Á Châu

36, KIM BIÊN — CHOLON
Đ. T. : 37.646

CÂU LẠC BỘ

CÁT VIÊN

610, Bến Hàm-Tử

CHOLON

NHÀ HÀNG

THIỆN NAM

● Đặc biệt nhiều món ăn
Hoa — Âu — Việt. Và gà quay Y.

53 Công Lý

SAIGON

HÃY GỬI CON EM ĐẾN,

TRƯỜNG

LINH NAM

do ban Giáo-viên
đầy kinh nghiệm đảm-nhiệm.

165, Trần-Hoàng-Quân

CHOLON

VĨNH PHÁT

chuyên buôn đồ sắt

3, Xóm Voi CHOLON

ĐT. 38.132

HƯNG ĐẠO

Vật dụng Quân-trang. Huy chương
Quân-đội. Làm nón. Dệt và in các
loại phù hiệu Quân-Đội

447C, Trần-hưng-Đạo

SAIGON

NHÀ BUÔN

HOÀNG CAM

Bán vật liệu kiến trúc
cát, sạn và đá mài

143, Nguyễn-Trãi

CHOLON

HÀNG

QUẢNG HÒA HƯNG

258, Bến Lê quang Liêm

CHOLON

6 tác giả viết về một thành phố

(Tiếp theo trang 9)

thứ xếp được. Sách vở bạn hữu gởi tặng phải đem gởi nhà khác. Tuy vậy, mà khách tới nườm nượp, năm năm nhà tôi không vắng tiếng cười nói. Mà tôi nói, hồi mới sửa nhà, có con chim khách kêu ở đầu hồi.

Tuy vậy, tôi cảm thấy ngôi nhà lạnh tanh. Phải có cái bàn thờ để đêm đêm thắp nhang, cúng nước, chưng bông mới gọi nên một mái nhà đúng với cái nghĩa đẹp của nó. Phải có một bình bông tươi đặt trên kệ sách. Vậy mà tôi không thực hiện nổi.

Từ đường cái vào nhà tôi phải đi bằng một ngõ hẻm suốt ngày lay lắt kể cả mùa khô vì đầu hẻm có một « phòng tên » nước, nên bọn con gái gánh nước phải dùng cái ngõ hẻm độc nhất đó để đổ nước trong xóm. Lại thêm, cạnh « phòng tên » nước có một nhà chứa rác hôi hám. Nhắc tới cái xóm đó, qua vấn đề thâm mỹ, tôi chẳng thấy hào hứng chút nào.

Nhưng ở đây là một cái xã hội nhỏ có đủ hạng người đủ màu sắc. Đêm đêm lên gác nằm nghỉ xả hơi, tôi có thể nghe tiếng cái cọ ở sòng tứ sắc trước nhà. Khít sau nhà là chỗ hút sách, mà đêm đêm mùi thuốc phiện xông lên ngào ngạt. Đầu xóm là quán bán rượu đế, lâu lâu có người say nửa đêm la lối om sòm. Xa hơn quán rượu là chỗ chứa diêm. Vài năm gần đây, vì ông chủ chứa lỗ lã sao đó nên rút đi chỗ khác. Đây là nơi có đủ dân tứ xứ đến lập nghiệp. Những căn nhà thường hẹp tẻ, lúc đầu cất trệt. Sau vì thấy tù túng quá nên thiên hạ đua nhau xây thêm gác.

Nhà cất khít nhau, xài nước bằng cách chuyền ống và xài điện bằng cách cầu. Thời buổi này mưa được cái « công to » đầu phải để. Tuy vậy, dân chúng không hề sợ hỏa hoạn vì trong xóm có một cái miếu thờ năm Bà. Thú thật, từ khi dọn về ở tới nay, tôi cũng chưa rành sự tích và tên tộc của các bà. Ngày vía các bà, dân trong xóm hùn tiền mua chè, xôi, gà vịt để cúng. Thành thạo họ diễn tích ông Địa ve vãn Nàng Tiên cô năm Bà coi giải trí. Nếu dư giả, họ rước hát bộ về diễn đến mấy đêm liền.

Hồi mới dọn về, tôi thấy cuộc sống ở đây ngộ nghĩnh lắm. Xế xế, mọi nhà sửa soạn nấu cơm. Họ có thể đứng trong căn bếp riêng của mình để nói chuyện những người ở căn bếp khác. Đó là lúc mấy bà vừa chiên, xào, kho, nấu vừa bàn chuyện hụi hê, chuyện chữa đẻ, chuyện chợ búa, và các tường hát cải lương.

Trên mười giờ tối, tôi mới có thể ngủ được. Từ khi về đó, tôi thường bị chứng mất ngủ. Uống thuốc an thần hoài đầu óc tôi bị nhờn, bị mê sảng nên sắc mặt thường sạm sù. Tôi nghĩ là dưới nền nhà tôi đang ở chắc còn sót lại vài ba bộ hài cốt gì đó nên âm binh cứ theo quấy rối tôi hoài. Theo lời bà Tám chủ chứa bài ở trước nhà kể lại thì cuộc đất này cách đây mười tám năm, toàn là lau sậy, đầm lầy. Bọn du côn Cầu Ông Lãnh thường hò hẹn nơi đây để thanh toán nợ nần nên dân kỳ cựu ở đây như bà ta thường gặp từng cánh tay, từng ống chân bị chặt rụng rồi vùi trong bùn đen. Té ra, cuộc đất này cũng có một huyền thoại. Bà Tám ở đây từ hồi còn trẻ tóc đen. Bây giờ bà đã 65 tuổi. Bà đã từng kén chồng, từng đi đánh lộn mướn và cũng chính tại đây có một lần bị thất bại tình duyên sao đó nên lên núi Tà Lơn xin đi tu.

Tôi gặp bà khi bà bắt đầu rụng răng. Bà dữ có tiếng, chữ chổng đòn hơn pháo chuột nổ, và nói tục rất có duyên. Tôi đặt bà là giáo sư Ngôn Ngữ học vì bà chữ mỗi ngày thêm một thành ngữ mới mận môi còn hơn cá kho tộ. Bà còn khoe là hồi còn trẻ bà chơi với bạn, cướp chồng bạn và cô bạn đành phải chờ bàn thờ cha mẹ chồng giao luôn cho bà. Tôi vốn thích

nghe sự tích ở những nơi mà tôi đi qua, dù sự tích hoang đường. Được ngồi đối diện với mấy bà già trầu các bà thêm mắm dặm muối câu chuyện tưởng không gì khoái bằng, có nhiều khi vui quá tôi muốn tēm một miếng trầu ăn cho câu chuyện thêm nồng mặn. Bởi lẽ đó, không ai ngạc nhiên khi thấy tôi lần la nói chuyện bà Ba X...

Bà này mới ngoài bốn mươi, mặt có vài nếp đẹp năm tuổi, nhưng thân hình vì đẻ nhiều lần nên xò xề. Góc gác bà ta cũng ở đây. Nghe đồn có một thuở bà ta theo gánh cải lương hát loại tuồng chiến tranh, có bắn súng bằng pháo chà nên khói bay tùm lum trên sân khấu. Tôi nghĩ chắc xưa kia bà đẹp, có thể trình diễn các màn chưng bướm bướm trước khi đoàn hát diễn tuồng nông cốt. Thành thạo đi ngang chỗ bà ở, tôi chợt nghe bà ta hát rí rả:

«Than ôi! Hồi nào bướm ong rần rật, trắng gió
ê hề, cho đến nay chờ ai cho tới xương tàn cốt
rụi. Than ôi...» Bà thường kể là các nghệ sĩ cải
lương khi nào già nghèo khổ sắp chết thì về đây.
Dân xóm này sẽ làm đám ma, xây mồ đá thật âm
áp. Đây là chỗ các gánh hát mới thành lập dùng
để tập tuồng. Đình Phú thành trung tâm nghệ thuật
mà. Đó là lời nói được chút kiểu hành của mấy
cậu đọt sòng mới trong xóm. Hình như mấy cậu
hè nhau mua đàn điện, trống, xục xoạt, phen la để
lập hai ban kịch động nhạc gì đó. Bây giờ thì họ
biến mất khỏi xóm dần dần. Tổng đông viên mà.

Nói về một xóm chẳng lẽ nói cái sinh hoạt của
xóm đó? Nhưng tôi là dân mới nhập gia, biết nói
gì cho sâu sắc hơn. Xóm đời mới ở cách chơn dọn
nhà cửa không ngừng, nhưng đại khái nó giữ một nếp
hoạt động nhàm chán, đều đặn. Lâu lâu lắng tai
nghe một vài bà bệnh con chửi lộn lộn nhau, thỉnh
thoảng có tiếng kèn đám ma, có tiếng pháo đốt
mừng đám cưới. Đó là một cuộc đời được cắt xén,
không có gì đáng nói, không gì đáng chú ý.

Nói tới mái nhà, dĩ nhiên phải nói tới kỷ niệm.
Thật ra cuộc sống của tôi ở đây bằng phẳng quá nên
kỷ niệm cũng lu mờ, nhạt nhẽo. Tôi chỉ nghĩ tới
sấm thêm tiện nghi. Mùa nóng tôi còn có thể trải
chiều trên nền gạch bóng. Còn mùa lạnh, thì thú thật
không sao chịu nổi cái mái tôn như phiến băng toát
ra hơi lạnh thấu ruột gan.

Thừa nhỏ mỗi khi đi chơi về nhà vào lúc chạng
vạng tối, tôi cảm thấy âm áp khi nhìn
một ánh đèn qua khung cửa sổ nào đó. Tôi có thể
vẽ lên một hình ảnh gia đình sum họp dưới ánh đèn,
bên mâm cơm sốt dẻo chẳng hạn. Tôi sợ mỗi buổi
chạng vạng phải đi phất phơ ngoài đường, hoặc
trời nổi trong nhà người lạ. Buổi tối là phải ở nhà.
Nếu không đọc sách thì cũng lau chùi, dọn dẹp
đồ vật để giờ đi ngủ.

Những tối vắng khách đến thăm, tôi vào giường
sớm. Sinh hoạt xung quanh bùng sôi động. Trẻ con
chạy giỡn rần rật khắp ngõ hẻm. Tiếng xe gắn
máy nổ tành tạch. Tiếng rao hột vịt lộn, bánh bò
giò chéo quây om sòm. Khi mười giờ sự sinh hoạt
lặng xuống, tôi mới ngủ được. Có nhiều lúc vào
lối hai giờ khuya khi chợt thức giấc tôi có thể nghe
tiếng rao nem nướng của một bà già buồn nản về
phía sông bặc.

Sự quen thuộc chưa phải là sự thân mật. Tôi
quen khu xóm với từng mẫu sinh hoạt của nó,
nhưng tôi không mấy ưa nó. Rùm beng quá thiếu
điều đình tâm nhứt óc. Nhưng tôi thích nó cái thuở
còn là vùng lau sậy, đầm lầy. Nhà cửa bây giờ mọc
san sát, không có một chỗ nào cho bụi cỏ mọc lên.
Nhưng tôi thường tưởng tượng dưới nền nhà có
những nấm xương tàn cùng bao di tích bị chôn vùi,
mà chỉ có những kẻ cũng thế hệ với cha mẹ bà
Tám được biết mà thôi.

T
rong cái không khí nồng nặc mùi bom đạn và dầu
máy của xứ sở này, mọi người đều khách quan bị
chỉ phối bởi yêu sách thống nhất trong tinh đoàn
kết chặt chẽ để chiến thắng và tiến bộ. Liệu ở tình
thế đó có ai còn chấp nhận được thái độ thờ ơ qua
cái nhìn lạnh nhạt của con người đơn độc không thể
— bởi một vài nguyên nhân nào đấy — hòa mình với
cộng đồng sinh hoạt xung quanh hẳn? Con người đơn
độc. Hẳn là ai? Là bất cứ kẻ nào mà nổi lên và
những lo âu xao xuyến (xa vời đến độ vu vơ?) ở
tâm hồn không ngừng dấn vật và dấy dấn về tuyệt
vọng? nỗi tuyệt vọng xét như giới hạn cuối cùng của
những săn đuổi say mê vượt ra ngoài tầm xã hội. Hẳn
trong 1 xã hội cần tin tưởng lạc quan để xây dựng, kẻ
chấn chương tuyệt vọng phải được xem như nguy
hiểm. Con người đơn độc nguy hiểm không phải vì
hắn tích cực ra tay phá hoại mà chỉ vì hắn tiêu cực
thu mình, ngoảnh mặt bỏ đi sau khi đã nhìn xã hội
là một hỗn mang vô tích sự. Con đã điều chỉnh đầu
trong cát khước từ mọi cảm thông hòa điệu với đồng
loại quanh mình, cũng thế con người đơn độc lấy
sự chia lìa khỏi tập thể làm khởi điểm để trở về với
cõi lòng riêng tư của hắn. Bởi sự sống ồn ào náo
nhiệt vây quanh là cản trở thiết yếu phải vượt qua
để tiến tới sự thanh tịnh trong suốt ở đó con người
đơn độc mới có thể nhìn ngắm được những
gi sâu thẳm nhất hiện ra cho tâm hồn khao khát tuyệt
đối của hắn. Và hắn thấy gì giữa cái trống rỗng vô
cùng mà hắn đã tự dọn sẵn cho mình? Không phải
thấy sự mỏng manh phù phiếm của cuộc đời, cũng
không phải thấy tính cách dĩ tận và những giới hạn
thiết định cho thân phận hắn. Mà chính là thấy vẻ
trong suốt không đáy của cái nhìn chính hắn đã
phóng ra, thấy nỗi hư không của cảnh đời chờ chẳng
hướng về đâu, thấy sự hiện diện dày đặc của chính
mình khi nó đang dần dần tan biến trong sa mù
mênh mông của ý thức thuần túy. Hẳn không còn
sở hữu được một cơ cấu chặt chẽ nào để bám vào
và sống với. Đó là sự hiện hữu không mật độ của
niềm cô đơn tuyệt đối. Mọi sự vật của ngoại giới
trở thành một toàn thể khổng lồ khiếp như nỗi đe dọa
lớn lao nhất đè nặng lên con người đơn độc, bóp
ngheht hẳn trong cơn hoảng hốt không cùng.
Con người đơn độc hủy diệt chính mình trong
cuộc chiêm ngưỡng nội tâm.

Đó là cuộc tự sát căn bản bằng tư tưởng không
đối tượng. Bởi thế, mọi đoạn tuyệt dứt khoát với
đời sống đều chỉ có thể thực hiện nửa chừng nếu
con người còn muốn cứu vãn sự tồn tại của chính
mình. Nói khác đi, ý thức phân ly khỏi đời sống
chỉ có đó như những khoảnh khắc hiếm hoi. Nó là
một chuyển đoạn thực ngắn ngủi tuy rất mãnh liệt
nơi những người trung thực với bản chất của mình
khi họ lắc đầu quyết liệt trước sự lăm le xâm nhập
của cuộc sống xung quanh. Nỗi tuyệt vọng nơi
con người đơn độc không phải là tuyệt vọng bởi
thà giới mà là tuyệt vọng phát xuất từ chính mình,
về chính mình. Dù vì thà đến mức nào đi nữa,
người ta cũng phải nhận rằng nỗi tuyệt vọng đó
thực cao quý bởi nó không nảy sinh từ một duyên
cớ bên ngoài mà, trái lại, từ chính chủ thể. Ý thức
không vụ lợi, không bị hấp dẫn bởi một ngoại lực,
tự xoay sâu vào chính mình để rồi khám phá ra sự
trống rỗng và tuyệt vọng. Nó không khởi hành từ
thực tại, nó tự phát và tự diệt bởi hoạt động của
chính nó, như thế ý thức trong suốt của con người



khung cửa mở

NGUYỄN NHẬT DUẬT

niềm tuyệt vọng đơn độc

đơn độc hiện hữu như một giấc mơ. Giấc mơ thì
chẳng bao giờ có khởi điểm hay thành tựu. Nó như
bọt biển lơ lửng xuất hiện rồi vụt tan biến mất trên
mặt nước xanh mênh mông. Phải chăng nói thế
chẳng là để bảo rằng cô đơn và tuyệt vọng hiện diện
nơi con người đơn độc như những gì chân thực
nhất và cũng hư ảo nhất? Và chúng ta có thể nào sống
được nếu không có những giấc mơ đưa chúng ta
vào một thế giới khác, khác với cái thế giới eo sèo
này? Trở về với chính mình, như thế, vừa là thu
gọn bản ngã lại, tách rời nó khỏi xã hội, lại vừa là
lấy trốn để lao tới đời sống bằng tiềm năng bất tận
ở nơi mình đấy, hai mặt tương sinh và tương phản
của ý thức cô đơn, thuần túy. Hai mặt này cho thấy
sự đối lập giữa tự cứu và tự mất (tự mất hiểu
theo nghĩa là tự lấy mình làm đủ) khi ý thức của
chúng ta đối diện với thực tại xã hội. Và quan
trọng hơn, khi nó đối diện với sự chết. Bởi sự
chết vừa đe dọa vừa quyến rũ. Ý thức xao xuyến
tự cứu khi trở về với chính mình để cố thủ trước
đe dọa của sự hủy diệt. Nhưng ý thức phần khởi
tự mất quay đầu tìm lại chính mình trong sự
trống rỗng mênh mông, trong nỗi hư không vô cùng
để hòa tan vào cái chết, cái chết hay sự hủy diệt
toàn diện như một mô thể bao dung. Như thế, con
người đơn độc, bằng ý thức của mình, vừa phản
kháng vừa chấp nhận cái chết. Phản kháng bằng sự
khép kín và chấp nhận bằng nỗi tuyệt vọng; vì ở
mức cao nhất, tuyệt vọng là thái độ tự dâng hiến
vô điều kiện trước tuyệt đối thể. Tuyệt vọng, do đó,
chính là trạng thái thanh thoát đứng vững của
tinh thần khi nó tự xóa nhòa, tan biến vào trong
Đại Thể, ở đây là cái chết. Nói khác đi, ý thức cô
đơn xuất hiện như một nốt kết: một bên là tự vệ,
một bên là tự hiến. Hai mặt đó ràng buộc nhau trong
một trạng thái lưỡng diện của tinh thần, trạng thái
đó là niềm xao xuyến khi con người khước từ
thực tại trần gian để đối diện với Tuyệt Đối. Xao
xuyến là vừa lo sợ nên lùi bước, vừa hân hoan nên
tiến tới. Trạng thái phức tạp này mặc khải tính cách
bất trắc của con người hữu hạn đối diện với cái vô
hạn. Hiên nhiên là ý thức con người phản vản khi
đứng trước ngưỡng cửa của Tuyệt Đối. Tình trạng
phân vân đó từ cao thực chất của niềm xao xuyến,
khiến người ta nhận rõ được rằng nó bấp bênh, không
thể đứng vững, nên đòi hỏi sự chuyển biến như
một vấn cứu. Sự chuyển biến, hay sự vượt qua
bằng một thay đổi quyết liệt, là điều kiện sống còn
cho ý thức xao xuyến của con người đơn độc khi
hắn quay về với bản chất của chính mình. Con
người đơn độc tự xác định như một ý thức tự
do, đi tìm tuyệt đối bằng cách, trước hết, lia bỏ

thực tại ngoại giới, để rồi, sau cùng, hẳn gặp gỡ
Tuyệt Đối là Hư Vô. Cuộc hành trình trong dĩ vãng
dần dần đi vào huyền ảo và tương lai là mơ hồ mờ
mịt. Niềm xao xuyến xuất phát từ đó, từ cái thế
bấp bênh, trôi nổi đó. Lo âu, hoảng hốt cũng hiện
hình trong tình trạng đó.

Giữa cái huyền ảo của dĩ vãng và cái mơ hồ
của tương lai, niềm xao xuyến dẫn con người vào
cái thế chới với choáng ngợp, nỗi lo âu và hoảng
hốt đẩy sự sống đến tình trạng hao mòn kiệt quệ.
Ý thức chúng ta không thể đắm chìm mãi trong tình
thế đó. Nó phải chuyển mình, hay nói đúng hơn,
chính xao xuyến, lo âu và hoảng hốt thúc giục con
người thay đổi, đòi hỏi ý thức phải chấp nhận
chuyển biến như lý do cuối cùng mà hiện hữu có
thể bám vào. Bởi thế, ý thức níu lấy sự thay đổi
như điều kiện thiết yếu cho nó tồn tại. Con người
đơn độc — bằng tất cả tâm thức trong suốt của
mình — bước tới phía trước mặt và đặt định cho
thế giới xung quanh sự hóa thân thiết yếu. Nó
quyết liệt chối từ hiện tại và mạnh bạo hướng về
những viễn tượng bao la và kinh khủng của tương
lai. Ước muốn cuối cùng bao giờ cũng là ước muốn
những khả thể vô hạn. Mà sự săn đuổi khả thể vốn
lại chẳng bao giờ hài lòng với thực tại. Sự phủ nhận
tiền quyết nhằm vào thực tại là điều kiện không
thể thiếu của con người đơn độc đặt mình giữa
những dờ dằng hỗn độn, những ngổn ngang thừa
thãi của đời sống xung quanh. Ý thức đứng dừng
là nỗi khôn khổ vô cùng, nên nó phải phóng tới
trong sự đổi dời và sự đoạn tuyệt gắt gao với thực
tại vây quanh. Đổi dời và đoạn tuyệt như những
cách thế giải phóng của ý thức.

Ý thức tiến tới sau khi ngưng đọng trong
khoảnh khắc chới với từ và tuyệt vọng, ý thức đó là
khởi điểm sáng tạo của những giá trị vừa mới mẻ,
vừa phiêu lưu. Nó choáng lấy tương lai như viễn
ảnh thường trực sáng tươi mà con người đơn độc
không ngừng xây dựng cho chính mình. Hẳn xây
dựng trong tương lai mơ hồ bằng cuộc phiêu lưu
vô định của tâm thức xao xuyến vừa tự vệ vừa tự
hiến.

Con người đơn độc dâng mình cho những
đổi thay choáng váng diễn ra từ chính hắn. Hẳn
là hiện thân của cảnh giao thời. Phải chăng, trong
xã hội đang hóa thân của chúng ta — ở thuở giao
thời này —, có hơn một người đơn độc vẫn sống
đến tận cùng tuyệt vọng và say đắm bằng tâm hồn
xao xuyến không người, ở bên ngoài và bất chấp
mọi xô dấn dữ dội của đám đông và lịch sử!

giữa tòa soạn



và bạn đọc

ANH VIỆT QUỐC HÙNG Sg —
Đã nhận được bốn bài thơ của anh.
Đang đọc.

ANH NGUYỄN V. SÂM Sg —
Đồng ý với anh về nhận xét đó. Sẽ
jân dần sửa đổi cho hợp với danh
nghĩa" văn học nghệ thuật thuần túy.
Đã nhận được thơ. Cảm ơn.

CÔ Y. SVVK, Sg — Đang nghĩ
về đề nghị thực hiện loạt bài "Cuộc
Phóng Ván Những Người Vắng Mặt"
của cô khó lắm đấy. Xin có gửi cho
bài cô khó lắm đấy. Kể ra KH đã qui
tụ được những cây bút tên tuổi,
nhưng "uy tính đầy mình" thì có lẽ

chưa dám nhận. Rất cảm ơn. Và đợi
bài cô.

BAN THẠCH MIÊN Sg —
Đã nhận được bài thơ "Hồn Em
Vội Vang." Cứ từ từ, đang đọc.

ANH NGŨ VƯƠNG TOẠI:
SVVK — Vẽ đẹp nhỉ. Làm bản kèm
rồi. Hứa gởi bày đâu không thấy.

NHÂN TIN

ANH HUY TƯỜNG — Cảm
ơn cú điện thoại hỏi thăm sức khỏe
mà tôi tiếc đã vắng mặt. Lại chơi Tòa
soạn (nhà in Thế Giới) vào buổi chiều
từ 3 đến 6 rưỡi. Sáng từ 11 đến 12g.

ANH NGUYỄN KIM PHƯƠNG
(THIU Ng, Phú Long) Anh Cao thoi
Châu (Cao đình V.) mong tin các
anh. Và mong bài nữa. Xin cho địa
chỉ rõ ràng để gửi thư liên lạc.

ANH LƯU HUYNH TIỀN (?)
Đã nhận được hai bài thơ của anh.
Sẽ đăng cả hai, mong anh gửi tiếp.
Anh vẽ cũng đẹp lắm. Nếu ở Saigon
mời anh ghé Tòa soạn chơi vào buổi
chiều. Dấu phong bì mờ quá không
biết anh ở đâu.

ANH Ý YÊN — Thủ Đức. Khi
nào về Saigon nhớ ghé chơi.

Thân, V.L.

M KI thân mến,

Tôi phải nói với Ki về thành phố đó. Chúng ta đã sinh ra, đã sống ở đó, ít nhất là một phần của tuổi thơ ấu. Tuổi thơ ấu của Ki đã cho tôi thật đầy đủ. Những ngày ở bãi biển Thuận An, đi lang thang ngoài biển, đi bắt cá, đào trộm khoai, chơi cút bắt, hay thơ thần một mình ngoài đồng ruộng, chạy đuổi theo những bông cỏ lầu theo gió. Tắm ở Phá Tam Giang, giữa trưa nắng, cát nóng bỏng như lửa, Ki đã chạy nhảy, chân dẫm từ đám cỏ khô này qua đám cỏ khô khác để tới rừng dương, nhìn một cái hồ nhỏ đầy cá mặt trắng.

Cá mặt trắng, những mặt trắng nhỏ, trắng nuốt của tuổi thơ chúng ta tung tăng trên mặt hồ, bên những cành dương rũ bóng, kênh kieu một cách đáng yêu với bờ đê, với bãi biển kêu gọi, rú rở suốt ngày tháng. Rồi bỏ Thuận An, Ki bé nhỏ què què của tôi bước chân lên thành phố. Bờ ngõ và rụt rề, bị bắt nạt, nước mắt, đó là đặc điểm của Ki thời đó. Bị bắt nạt là đáng lắm, bởi Ki chỉ biết có bãi cát trắng phau, với những đợt sóng liềm vào bờ suốt ngày không biết chán. Ki chỉ biết có những con đường làng cát bẩn rưng đầy hột keo khô, lẫn với vỏ nghêu, vỏ sò vỡ. Bị ném vào một thành phố đầy trẻ con tinh ranh Ki làm sao chống đỡ nổi. Tội nghiệp Ki của tôi hồi tám chín tuổi với một phố Huế xa lạ, đục đã sự tò mò.

Ki vẫn giữ khuôn mặt đen đui, đôi mắt vàng chói nắng biển mái tóc cắt ngắn kiểu con trai, mặc quần sọt với áo sơ mi bởi vì ba chúng ta muốn có một đứa con gái ngộ nghĩnh hơn là xinh đẹp. Ki bắt đầu đi học, Ki có bạn mới, Ki quên bãi biển Thuận An, quên làng quê buồn hiu nhưng thơ mộng đến nỗi có những đêm mơ thấy bầy cá mặt trắng lội tung tăng trên mặt hồ đớp ánh sáng xanh mát, hoặc những cành dương dài như những cành tay khẳng khiu vậy vậy, Ki đã khóc trong giấc ngủ.

Học đôi khi đang ngồi trong lớp học, Ki bỗng nghe thấy một âm thanh gì rì rào quen thuộc, Ki nôn nao cả người và chợt nhớ ra âm thanh đó giống tiếng sóng biển mà Ki đã nghe hoài hủi hồi ở quê mẹ. Chúng ta thực tức cười phải không Ki, hồi đó chúng ta cứ tưởng Huế với Thuận An là hai miền xa cách như bây giờ Sài Gòn với Hà Nội vậy. Vừa biết Huế, gia đình ta ở An Cựu, cạnh nghèo đường xay. Chúng ta có thể chạy lông bông, nhưng không còn được thông thả như hồi ở nhà quê nữa vì chúng ta phải canh chừng những chiếc xe nhà binh với những ông Tây to lớn, mặt luôn luôn đỏ kè như say rượu. Chúng ta thấy phía này có ruộng, phía kia bờ có cầu sông đục nổi sang bên chợ. Ki có còn nhớ cây bông búp cao mọc ở cạnh chân cầu đó chớ. Cây búp mà chúng ta thường ao ước nhặt những búp khô rụng, thổi phồng lên như đã từng thổi chiếc bong bóng lợn của dượng.Tin cho hồi còn ở Thuận An. Thêm một hai tuổi gì đó, chúng ta rời An Cựu dọn lên Nam Giao. Ki được gửi vào một trường tiểu học. Lần này thì không thể như khi còn ở An Cựu, được gửi học nơi nhà một ông giáo, nhà ở tít dưới Mù U, Ki đã trốn học, đã khóc và bị ăn roi đến quần dít vì bướng. Ki đi học dằng hoàng. Mùa nắng Ki mặc áo hoa, đi guốc.

Mùa mưa, Ki còn nhớ không, chúng ta mang cái tờ bằng lá, trông từ đầu xuống cổ, có sợi dây thừng nhỏ rút trước cổ, buộc chặt cho gió khỏi bay. Ngôi trường tiểu học ở thật xa, tít giữa bãi hoang có nhiều đất sét. Xung quanh lại có nhiều mồ mã nữa. Những đứa trẻ tinh quái thường dọa có nhiều mã tà ở lùm, rồi chúng ta được nghe bao chuyện kinh hoàng về giặc Tàu Ô.

Nhà chúng ta ở nơi một con đường rất dốc. Dốc cao đến nỗi người lớn nói đứng trên đầu dốc có thể nhìn thấy cột cờ Phú Văn Lâu. Nhưng Ki ngheechen, nhón chân, cũng chỉ nhìn thấy những đợt phượng mùa hè đầy bông đỏ rực, mùa đông lũng lũng những quả dài, sắc cong như lưỡi mác.

Phía trên đầu dốc kia là Đền Nam Giao, nghe nói nhưng đường đi xa lắm, chân của Ki thì quá ngắn. Cho tới khi tôi đi được chiếc xe đạp, ngang qua con đường đất vòng quanh đền Nam Giao, tôi cười mãi về sự tưởng tượng của Ki hồi còn nhỏ, và nhớ-Ki như nhớ một phần hồn, phần thơ ngây của mình đã mất vĩnh viễn.

Ki còn nhớ không, trước mặt nhà chúng ta là ngôi nhà của cô bạn nhỏ tên Chín. Trước sân nhà Chín có vài cây nhãn, dưới gốc cây bọn con nít thường chơi trò buôn bán với vỏ hến, lá cây, những lá thạch vò nát đem phơi nắng. Bọn nhỏ còn đánh thẻ, đánh thẻ nê đầu đôi khi bấm tím cả cổ chân. Tụi nhỏ còn đánh ô làng bằng hạt cây thầu đầu, cây thầu đầu mà khi lớn lên tôi biết thêm nó còn được gọi thêm hai ba tên là sầu đầu hay sầu đông cũng được.

Trong căn nhà của Chín, Ki thường hay thất mắc về một ông cụ già mà người lớn gọi là ông

SỢI DÂY TƠ

Nhã Cà

Huyện. Ông thường đội khăn đóng, mặc áo dài đen, mỗi lần sang Chín chơi trông thấy ông Ki thường núp sau bệ cạnh. Người ta nói thời trước của ông Huyện oai lắm, ông làm quan, dân đi ngang qua nhà phải cúi đầu không thì bị lôi vào đánh đòn. Ki không những cúi đầu mà còn trốn biệt sau chiếc bệ cạnh, Ki sợ đánh đòn lắm.

Nhưng ông Huyện hiền lành lắm, ông lôi Ki ra khỏi chỗ núp cười bảo vô mà chơi với Chín. Ông nhìn tụi nhỏ nghịch đất cát, ông ngồi ngắm mấy chậu cây. Ki vô nhà thấy có treo tấm ảnh của ông lớn lắm, ông ngồi trên chiếc ghế chạm trổ có linh hầu đứng quạt nữa. Một tấm gỗ lạng bóng nổi lên ba chữ nhỏ to tướng như bằng vàng, giữa nhà có sập gụ. Ki lấy làm ngạc nhiên vì nhiều nhà có những thứ lạ mắt như thế. Huế cũng quyền rũ Ki lắm chứ, những ngày đi học, ghé vô san chùa lượm me rụng, đào rụng hay tha thần dọc đường hái ngũ sắc chín đen, trái mắt ruốc chín vàng, ăn ngọt đỡ khát nước. Dân dả Ki quen với Huế, thân với Huế hẳn hoi' Ki thường ngăn ngừa ngắm những chị lớn tóc xoắn dài,

áo trắng, đội nón lá, đi thướt tha yêu điệu. Trông họ đẹp và rườm rà quá. Rồi chính Ki, Ki cũng bỗng theo họ từ lúc nào. Nhưng khổ thay, càng ngày Ki càng thấy trong cái thân thể Ki đang trú ngụ bỗng xa rời Ki mãi.

Cho tới lúc thân thể đó giữ bỏ chiếc áo ngắn để thay bằng chiếc áo dài lụa đầu tiên, mái tóc ngắn được nuôi dài và biết che bằng nón lá. Nó đã hắt hủi ánh nắng mặt trời vàng tươi Ki mang từ biển, tay chân nó đã che bỏ những cơn gió mùa hè ngày ngất, mắt nó, mũi nó, đã rời xa mùi hoa khế, mùi me chua, lạnh lùng với bông hoa ngũ sắc thì Ki hoàn toàn bị bỏ rơi rồi. Tôi mất luôn Ki mất mà không biết Ki đã bỏ tôi đi từ lúc nào, chỉ biết có một lúc giật mình thấy có đứa bé trong hồn mình bỏ đi biệt tích, bỏ đi một cách lặng lẽ, không để lại một dấu vết gì nữa.

KI thân mến,

Gợi lại để Ki biết là tôi vẫn còn nhớ tới Ki, không phải là nhớ nữa, mà là một kỷ niệm, một khát khao để tôi tìm về trong bất cứ năm tháng nào, nếu có dịp. Nhưng bây giờ có nhìn về thì, có nhớ nhưng thấm thiết bao nhiêu thì sự thấm thiết đó nhắc nhở tôi khoảng cách lớn dần ra mãi. Tôi càng nhắc càng, chúng tôi tôi càng bỏ xa Ki biệt mù.

Nhưng hôm nay tôi phải nhắc lại với Ki để nó về một thành phố. Vì chỉ có Ki mới đủ thâm quyền để bắt tôi phải than thở, phải đau đớn, phải khóc lóc. Và tôi muốn cho Ki biết tôi đã đi đứng, ăn nói thương yêu thù ghét thành phố của tuổi thơ đó như thế nào.

Không nói thì Ki cũng có thể biết, bởi vì trong những năm sống ở Huế, làm một cô gái Huế xoắn tóc đội nón, đi guốc trắng, thỉnh thoảng trên đường về một mình, bên cạnh bụi hoa ngũ sắc tôi còn trông thấy hình ảnh Ki, tóc cắt ngắn, quần sọt. áo sơ mi, đôi mắt mang màu nắng của biển vừa đứng ở đó, đứng ở đó rồi biến đi rất nhanh làm tôi bàng hoàng như mình đánh mất một thứ, một thứ thiêng liêng ghê lắm, thương yêu ghê lắm, tiếc ghê lắm mà không thể nào trở về với nó được.

Không thể trở về vì hai người đang cố tình trốn chạy nhau. Còn nhiều dịp nữa, trong những lần nhìn những cô bé con chơi buôn bán, đánh thẻ, đánh ô làng, nghịch đất tôi thấy trong tâm hồn tôi lộ ra một nhánh hồn bé nhỏ muốn với tới, một cô bé nào đó ngoảnh mặt nhìn tôi với nụ cười nửa mĩa mai nửa khinh bỉ. Ki đó phải không ?

Nhưng tôi cũng phải quên Ki ngay đi. Quên Ki để đạp xe đạp qua cầu Tràng Tiền với bè bạn. Quên Ki để làm những cuộc đi chơi xa hơn, thích hơn. Tôi biết nhiều về Huế quá. Tôi đi hết những lảng lảng. Tôi biết chuyện vì sao ông Huyện có bức ảnh chụp với linh quật hậu lại có nụ cười hiền lành dễ thương đến thế. Tôi còn biết cả lịch sử huy hoàng của Huế khi đặt chân đến đại nội nữa. Chiếc ngai bằng vàng, những chậu cây vàng trái ngọc, những Đền Nam Giao tế trời tế đất.

Tôi nghe tiếng chuông linh mục với một tâm hồn dạt dào mơ mộng chớ không như Ki hồi trước, chỉ để ru giấc ngủ hoặc để đánh thức giờ đi qua buổi sớm mai. Tôi biết thường thức cả bao vị chua cay của Huế, đi ăn bánh bèo, bún bò, bánh khoái. Tôi tập thủ đi chơi một mình, mơ mộng một mình. Những ngày mưa tầm tã, bầu trời thăm đậm, một mình một áo mưa đi lang thang, gió đánh rát cả da mặt, mặt nước sông Hương mù mịt nước. Chân đạp trên bao lá khô.

Tất cả như mù mịt hết, giòng sông, nhịp cầu, trường học, những ngôi nhà che kín trong những khu vườn rộng, tất cả nhoe nhoét trong mưa hết. Tôi cười lại Ki. Thừa còn là Ki, tôi làm gì có những phút thoát trần như thế.

(Xem tiếp trang 14)

SỢI DÂY TƠ

(Tiếp theo trang 13)

Tôi cũng phải nhắc tới tình yêu trong thành phố đó cho Ki nghe nữa. Những hoàng tử áo xanh, những công chúa áo vàng ngày thứ hai đầu tuần. Những lá thư tình viết thả rơi. Những cái liếc mắt sau vành nón... Một mối tình như một cơn giông bão từ phương nào ò ạt đến. Thơ mộng, lãng mạn, đau đớn, sung sướng, nước mắt, thôi thì đủ cả. Có lúc nào Ki đứng đằng sau tôi, trước mắt tôi nhìn tôi lúc đó không? Tôi có đáng được sung sướng đau khổ như thế không? Và Ki ơi, Ki có biết được ngày tôi bỏ Huế?

Lúc lên máy bay, chuyến đi đầu tiên để bỏ thêm một phần hồn thân yêu của mình nữa. Có cô gái nào nuôi tiếc nhìn theo tôi đó, cô gái đứng sững trên mặt sông, trên đỉnh núi. Cô gái che vành nón, liếc ánh mắt tiễn đưa. Nhưng tôi đã bay rồi. Tôi bay để làm một chuyến đi xa Ki thêm mãi mãi, và cách xa cô gái kia mãi mãi.

Từ đó tôi ít khi nghĩ tới thành phố đó lắm. Tôi lẩn vào đời, tôi để ra những tuổi thơ, tôi nhìn những tuổi thơ đó lớn lên, tôi nuôi dưỡng tuổi thơ con cái, nhìn tuổi thơ đó như nhìn Ki hồi nhỏ. Nhưng Huế thì như một cái bóng thật mờ lấp ló đằng sau cuộc đời mình, đôi lúc cho lại tôi vài phút êm đềm, nhưng cũng hiếm hoi lắm.

Tôi không còn thì giờ để nhớ tới đàn cá mặt trăng trong chiếc hồ nhỏ lẻ loi giữa rừng đường. Tôi quên khuấy mất những hột keo khô rơi lả lơi trên con đường làng cát bần. Tôi quên ánh nắng mặt trời trên bãi cát hung vàng mái tóc Ki. Có nhiều lúc nhìn nụ cười con thơ, nhìn chúng tôi mò nhìn một chú gián bò trong góc nhà, tôi nghe tiếng ai hỏi trong đầu: Nhớ tôi không? Nhớ cây khế nơi nhà ông xếp ga hay không? Nhớ đàn cá mặt trăng không? Ki ơi, tệ quá, nào tôi còn nhớ gì nữa.

Ki tha thứ cho tôi nhé. Đừng giận bởi vì đã có lúc tôi nhớ ra Ki rõ lắm, nhớ như mình nhớ mình thì làm sao không rõ ràng được. Đó là lần tôi về Huế để gặp mặt lần cuối ba của tôi. Quên, ba của Ki và tôi chứ. Lúc khóc lóc đã mệt, vật vờ đã

rừ hết tay chân, tôi bất chợt nhìn ra kẻ hở của song cửa. Một bụi cây Ki ơi. Từ một bụi cây dẫn tôi ra một đường phố, một đường phố dẫn tôi ra một trường học, một khu vườn.

Chúng tôi đi xa nữa, một bãi biển, một mặt hồ đầy cá mặt trăng, một khu vườn sầm uất của Trần Hải Đài ở Thuận An nữa. Tôi nhìn thấy Ki đi trên bờ thành lũy. Tôi nhìn thấy Ki ngã từ trên nhánh cây xuống và chạy tới với vớ vẩn Ki lên. Tôi còn nhìn thấy chiếc sân rộng trong khu Trần Hải Đài ngày ba ngồi thất cho Ki hai chiếc gióng mây và chuốt cho Ki cái đòn gánh tre để Ki giả đi gánh nước. Nhiều nơi nữa, trong sân ở một ngôi nhà ở An Cựu, Ba bế Ki ngồi lên lòng và hai chân ba rung rung. Cả chiếc xe đạp cũ kỹ mà ba thường đặt cái gối bông nhỏ đằng sau bót ba ga, bắt Ki ngồi ôm lưng ba thật chặt để ba thả xe chạy xuống con dốc Nam Giao đi sang phố mua cho con búp bê nhỏ.

Nhưng hình ảnh đó cũng chớp nhanh lắm để trả tôi với bụi cây trước mắt. Những lá xanh đang thắm màu dần nhưng còn bám vài tia nắng yếu ớt của ngày cuối năm. Huế mình như thế đó, cuối năm bao giờ mặt trời cũng muốn lười biếng, cũng nhõng nhẽo đến rơi nước mắt. Ki đang đứng đâu ở trong vườn đó? Hay đang đứng đằng sau lưng tôi, đang đứng trong hồn tôi để giúp tôi trào thêm những giọt lệ.

Ba bỏ đi rồi, mất biệt rồi, đứt luôn cả sợi giây tơ mỏng dần giữa tôi và Ki. Vậy là hết.

Phải, đã hết thực rồi Ki ạ. Bây giờ tôi đứng trước Huế, nhìn Huế với một mắt con mắt khác, một tâm hồn khác. Mấy ngày liền tôi đã thấy sợi dây tơ mềm cột chặt tôi với Huế đã đứt lìa hẳn. Nhưng lại lúng túng, đôi lúc tôi vẫn còn thấy Ki che mặt, giận dỗi, khóc lóc, rên rĩ vật vờ ở trong tôi. Có phải tiếng khóc cuối cùng của tôi thương tiếc người cha, hay tiếng khóc của Ki đón đau vĩnh biệt, một phần hồn lìa một xác thân để đi biệt biệt mãi?

KHÔNG Ki ơi, tôi đã làm ghê lắm. Lớn lắm. Đúng tôi vẫn còn nhìn thấy Ki, đúng Ki là một phần hồn thủy chung duy nhất còn ở lại trong tôi, với tôi trong những giờ phút mà chính tôi cũng không còn sự sáng suốt để dẫn dắt mình nữa.

Tôi đã bị kẹt lại một tháng với bom đạn, tan nát, máu me của Huế. Tôi đã chạy loạn cùng khắp, và chính trong những giờ phút tôi mệt mỏi nhất thì tôi lại nghe tiếng kêu của Ki. Con đường này, chiếc cầu này, khu vực này. Tôi chạy tới, chạy lui và tiếng kêu dẫn đường cho tôi tìm thấy lối sống.

Đúng là Ki thật rồi. Nhìn thấy Ki tất tả trong đám trẻ con chạy loạn, nhìn thấy Ki bên những cánh tay khúc chân thật non còn bết máu. Nhìn thấy một phần thân thể Ki nơi chiếc miêng rổ đầy giải của con chó đại đang quắp đuôi chạy trong đám bụi mù, trong ánh lửa đạn. Tôi nhìn ra Ki tức là đã nhìn ra Huế. Trong bao năm tôi tưởng như tôi đã chôn vùi hình ảnh Ki cùng xứ Huế với những ngày thơ, với Lăng Tầm điện đài đằng sau đời sống mới ở một xứ khác. Tôi lầm phải không Ki. Trong một tháng chạy loạn, có lần tôi đã tưởng Huế của chúng ta đã hết, đã tan nát, đã bị vùi chôn. Để hết khi tôi bừng kín mắt, nằm ép trong góc tối của khu nhà trong Cung An Định. Khi tôi chạy băng qua Cầu An Cựu mà không nhìn thấy cây bông búp. Nhưng không tôi vẫn thấy trên những đồng gạch to lớn chưa từng thấy của thành phố, hình ảnh của Ki ngày nào bé bỏng non thơ đi lang thang trên đó, hình ảnh của Ki trôi trên những đợt mây xám, lên lên trong ánh sáng hăm hiu của bầu trời lất phất mưa để đi thăm những đống vỡ, những mảnh tường xám mình với bao thứ bom đạn.

Tôi còn nhìn thấy Ki nhiều lần nữa. Chả hạn như một hôm sau mười mấy ngày nằm trong hầm tối, vừa chui lên miêng hầm, không khí mát lạnh làm tôi tỉnh người. Và những bóng lá xanh mượt ve vãn trước mắt tôi, một bụi cây, một nhánh cỏ mà làm cho người ta yêu đời biết bao nhiêu. Trĩ tượng tượng của tôi như đang ngập hết cả vùng trời, tôi nhìn thấy Ki tung tăng trong ánh nắng vàng của dĩ vãng, ánh nắng đó còn bám lại trên mái ngói của trường Đồng Khánh, của những bức tường đã và đang sụp đổ. Tôi thấy Ki đứng tần ngần bên cạnh ông Tám thợ may, ông già râu dài đến rốn ngày xưa cho Ki cục đường, bây giờ nằm chết cong queo bên đường mười mấy ngày chưa được chôn cất. Ki cũng còn đứng bên những ngôi mộ của một số bạn bè cũ đã lớn lên, Ki đang đứng cùng tuổi thơ của họ xung quanh ngôi mộ đắp vôi vàng, cùng với bầu trời xám xịt mưa phùn và gió rét.

thời sự nghệ thuật

(Tiếp theo trang 3)

Pouchkine (Mạc Tư Khoa) cho trên 5.000 khán giả Nga sộ thưởng ngoạn.

Những bức tranh này do Matisse sáng tác lúc chưa nổi tiếng và do mấy nhà thơ tranh người Nga mua của ông từ trước thế chiến 1 rồi mang về Nga. Do đó những bức tranh triển lãm ở Nga sộ thuộc loại quý vì chính nhiều người Pháp cũng chưa hề biết tới những tranh này.

Sau cuộc cách mạng vô sản 1917 tại Nga, Lénine đã tịch thu những bức tranh Matisse nói là quốc hữu hóa.

Và đến bây giờ nhà cầm quyền Nga mới triển lãm cho công chúng coi.

KATHARINE HEPBURN,
3 GIẢI OSCAR

Nữ minh tinh Katharine Hepburn

vừa được giải Oscar về điện ảnh 1969 với phim *Sự từ bỏ mùa đông*. Năm nay Katharine là một lão minh tinh với 60 tuổi trên vai.

Trước đây 37 năm (1932) Katharine đã được giải Oscar lần đầu với phim *Vinh quang buổi sớm*. Lần thứ hai, nàng đoạt giải Oscar với phim *Ái tới tiệc tối nay*?

Với 50 phim từ khi bước vào nghề tới nay, Katharine Hepburn là minh tinh điện ảnh duy nhất trên thế giới đã đoạt tới 3 giải Oscar.

Tuy thế, cuốn phim mà rất nhiều khán giả Việt Nam tới nay còn ưa thích lại không đem giải Oscar tới cho Katharine. Đó là phim *Bốn người con gái của bác sĩ March*.

BA CUỐN SÁCH VỀ TRUNG HOA ĐỎ

Tại Pháp, ba cuốn sách viết về Trung Hoa Đỏ vừa được phát hành.

Cuốn thứ nhất mang tên *Sống và chết của cuộc Cách mạng Văn Hóa* (Vie et Mort de la Révolution culturelle) do nhà Flammarion xuất bản. Cuốn sách mô tả những thăng trầm của cuộc cách mạng này từ ngày 10.11.1965, khi Vũ Hán phóng thị trường Bắc Kinh lên án một vở kịch cho tới ngày 31.10.68 là ngày trung ương đảng hạ bệ Lưu Thiệu Kỳ. Những sự việc xảy ra giữa thời gian này như các hoạt động của vệ binh đỏ sinh viên Bắc Kinh đều được kể lại dưới ngòi bút linh hoạt của tác giả Fernand Gigon, một nhà báo rất am tường về Viễn Đông.

Cuốn thứ hai của Tibor Meray do Laffont xuất bản mang tên *Sự rạn vỡ Mạc Tư Khoa Bắc Kinh*. Tác giả phân tích kỹ những mâu thuẫn trầm trọng cũng như những xích mích nhỏ trong lịch sử bang giao Nga Tàu. Có nhiều vụ xung đột mới đây trên bờ sông Oussouri cũng không thể bỏ sót trong cuốn sách này. Tuần báo Paris Match đã ca ngợi cuốn *La rupture Moscou Pékin* là cuốn sách rất phong phú về tài liệu.

Cuốn thứ ba: *Tháng Năm dài của Mao* (Le Long mai de Mao) do nhà Grasset xuất bản không do một nhà báo viết, Tác giả Stein, là một nhà ngoại giao nên đã kể lại những điều mắt thấy, tai nghe tại Trung Cộng trong thời gian ông đảo nhăm tại đây. Là 1 cuốn kỷ sự nên tác giả cố

viết thật vô tư, tránh phê phán, hay có lập trường thiên về một phe nào

ĐIÀ HÁT MI NI

Phong trào chơi máy thu băng cassette đang thịnh hành trên thế giới. Người ta chán những máy to và bắt đầu thích thứ nhỏ. Như ông già thích Lolita.

Đề cập tranh giới Cassette hai nhà phát minh Pháp bắt đầu chế tạo những đĩa hát tí hon sai với máy tí hon chạy pin. Đĩa hát này đường kính chỉ có 10 phân tây và bắt đầu bán trên thị trường vào đầu tháng 6 1969.

CÙNG TUYÊN BỐ NHƯ AI?

Mới đây có đạo Elizabeth Jaylor đã tuyên bố với báo *Ladies Home Journal* nhiều câu này lừ. Đại khái có những câu như sau:

"Sinh lý nam nữ là một vấn đề cần phải được thảo luận một cách trang trọng. Đây là một vấn đề đẹp đẽ nhất trong thế giới chúng ta."

Đối với y phục của thanh niên,

Liz tuyên bố:

"Tôi không lấy làm khó chịu nếu các con tôi để tóc dài chấm đầu gối hoặc chúng mang y phục của phong trào hippies"

Người đạo đức, (hoặc đạo đức giả) nghe những lời tuyên bố ấy ắt phải chau mày. Nhưng nếu nhớ rằng Liz Taylor chỉ là một tài tử điện ảnh, tài tử điện ảnh Mỹ Quốc đã có vài ba đời chồng và số tính nhân đức không sao xuê thì hẳn sẵn sàng bỏ lớp vỏ đạo đức mà tha thứ cho nàng.

Khởi Hành

TÒA-SOẠN, TRỊ-SỰ

225.227 PHẠM-NGŨ-LÃO

GIẤY PHÉP SỐ 358-BTT-BC NGÀY 26.3.69

— S A I G O N —

Đ.T.: 25.863

● THƯ-TỪ, NGÂN PHIẾU XIN ĐỀ TÊN CHỦ NHIỆM

● BÀI VỞ XIN ĐỀ TÊN THƯ KÝ TÒA SOẠN

— GIÁ 15 Đ. — CÔNG SỞ GIÁ GẤP ĐÔI

Comme la vie est lente
et Comme l'espérance est violente.

G. Apollinaire

Bắt đầu Tú lớn tiếng :

— Này tôi không đùa đâu. Tôi cảm ông dùng cái giọng cha chú ấy với tôi. Một lần nữa tôi không tha ông à. Vào đây đùa nào cũng như đùa nào cả. Ông là cái cớ gì mà dám gọi tôi là tôi. Ông cần ngủ thì mặc xác ông. Mặc mớ gì tới tôi. Tôi thức cả đêm nay xem đùa nào dám làm gì.

Tú nhảy khỏi giường, vòng ra bật đèn sáng trưng cả phòng. Lý bối rối không biết phản ứng : Làm cái gì thế, làm cái gì thế. Tú như con chó điên cuồng trở lui trở tới trong phòng : Đùa nào ngủ cứ ngủ, tao thức... Nó vẫn bất thường như thế, cả trung đội ai cũng ngăn nó. Sinh vào đến cửa hỏi : Chuyện gì thế này ? Một vài tên hoảng hốt bật ngồi lên trong mùng, có tên mê ngủ đã thò cẳng xuống đất ngồi dậy mắt. Lý phân trần : anh xem có chuyện gì đâu, anh xem... đấy anh biết... nó có chuyện gì buồn. Sinh trèo lên giường, nằm xong xuôi mới cất tiếng gọi :

— Tú ơi. Mày cho tao xin. Tắt đèn tao ngủ.

— Mày xuống mà tắt lấy.

Tú vẫn đi tới đi lui, lục bị đóng nước của người khác uống ừng ực. Rồi nó tới đứng trên đầu giường Lý chửi :

— Anh muốn là gì mặc xác anh. Đối với tôi anh là thằng hèn. Anh cần ngủ, lúc nào anh cũng cần ngủ. Tôi hỏi sáng sớm mai anh có đi không đã nào. Chắc chắn là anh ở nhà rồi... Hội thảo văn-hóa, văn hóa cái con khặc. Lúc nào cũng quan trọng. Mai một minh anh, anh ngủ cả ngày, mấy đứa văn hóa các anh ở nhà tha hồ mà ngủ, mà hội thảo. Xin lỗi các anh chứ, thứ các anh mà đòi đề đầu tôi, tôi chịu thế nào được. Anh hèn lắm, anh phải nhớ như thế mới được...

Lý nín khe, không trả lời. Phùng ném mẩu thuốc đã cháy xém đến sát đầu các ngón tay ra ngoài cửa sổ.

— Tú. Thôi đi ngủ đi. Cậu say, chậm quá. Say thế đủ rồi.

Và Phùng lại phải ngồi dậy tắt đèn thêm một lần nữa. Tú chui trở vào giường vẫn lái nhái : Anh để cho em mắng vào mặt chúng nó một lần mấy thằng hội thảo văn hóa... văn hóa... văn hóa là cái cứt chó khô gì... văn hóa gì thứ chúng nó... văn hóa... hèn như con chó...

2 PHẦN THỨ NHẤT

CHUÔNG báo thức rền hai ba hồi. Tiếng gọi vang : dậy, dậy đi... Phùng mở bừng mắt, đèn phòng bật sáng lóa, ngỡ ngàng như chỉ vừa chớp thiếp vài giây chưa kịp ngủ. Trên giường không giăng mùng, Phùng đã ngủ quên phơi cho muỗi cắn. Dậy, dậy... người ta gọi rồi kéo dính ngay mình nhảy khỏi giường vọt vọt, Phùng trở mình, nằm dưới gầm một mồi tro cứng. Ngoài hành lang bóng

người đồ qua hồi hả tới tấp, họ xô bầu quanh các bể xây, các vôi nước, tranh nhau múc hứng bằng mũ sắt, hộp lon, ca nhựa... Dưới bầu trời nhẹ nhem, trong dư vang của giấc ngủ lớn vồn, không ai trông rõ ai, không ai có thì giờ để nhìn, họ chen đầy luôn lách vào đám đông rồi mau thoát ra ngoài lúi húi một chỗ súc miệng rửa mặt sơ sài. Phùng nghe rõ xa tiếng nước phun mạnh nhưng bài hoài rồi rã không buồn cử động.

Lúc Phùng nhòm được thân lên, nhiều người đã trở vào phòng, đang thay quần áo sơ giày. Hầu hết các giường đều sạch trơn thoáng trống, cả phòng chỉ còn một hai cái mùng chưa cuốn. Phùng leo xuống đất. Tú vẫn còn úp mặt trong tường ngủ mê, quần áo trần mặc sẵn trên người. Phùng lay vai thẳng bé. Tú

không. Cái điệp khúc lệ lên, lệ lên, xong chưa, báo cáo đi nhắc cả chục lượt, từ trên hành lang truyền vào trong các hàng. Và vẫn còn tiếng chân chạy lịch bạch của kẻ chậm trễ nhào từ trong phòng ra lẫn nhanh xuống sân. Mấy anh là người có học, trí thức... đó cũng là một điệp khúc quen. Lúc ấy, những lúc ấy, Phùng hát thầm với riêng mình một điệu nào đó bất nhớ tình cờ, dấu điệu thuốc đầu ngày chưa tàn trong lòng tay khum chấp sau lưng.

Trong một phút bỗng chụp xuống tự nín lặng cùng khắp không sao tìm thấy vài giây trước. Sự nín lặng nhấp nhô lau trước các dãy nhà trong một khu đèn đã tắt trở lại. Trời tối thui không thấy bóng lá trên cây. Rồi bắt đầu dậy lên âm thanh rào rạt lạ tai, nhiều đại đội di chuyển

nép dưới chân bờ cỏ lan từ trên mặt đường. Thoạt đầu Phùng còn trông thấy mình bị vây chặn bởi các thân đứng, lát sau Phùng có thể phóng tầm mắt nhìn suốt xuống công trại, và ngược trở lên đầu dốc. Đoàn người dài đều ngồi, còn giữ hàng lối, rải rác những người đứng dọc hai bên. Cách mươi hàng, Tú đứng dậy quay ngoắt hỏi : Anh Phùng đâu ? Câu hỏi truyền quanh vẫn theo thói lệ đùa cợt : Ông già hút thuốc ? Ông già hút thuốc ? Phùng gọi Tú : đây, đây. Tú lên tiền đến :

— Em xin thuốc hút cho

tinh ngủ.
Tú bật lửa đốt thuốc xong đưa quẹt soi một vòng. Các gương mặt nghiêng ngó lên thoáng hiện mờ tối dưới nón sắt. Tú đóng nắp quẹt, rồi lại bấm mở bằng một tay kêu tách tách.

— Đào mới tặng em cái hộp quẹt này.

Phùng cầm chiếc hộp quẹt của Tú, bật thử. Ngọn lửa nhỏ bốc cao nhún nhảy xanh biếc và Phùng lim dim mắt.

— Lúc này em quên báo anh, em bỏ hết mấy quả cam của anh trong ba lô em ấy. Anh ăn không ?

— Cứ để đấy đi.

Tú ngồi chống kiềng trên hai đầu mũi giày, nghiền cổ ngó qua đầu Phùng và kêu : Sinh, Sinh mày ngủ rồi đấy à. Phùng quay nhìn lại, Sinh ngồi ngay sau lưng bỏ gối, đầu cúi gục, nón sắt lật bỏ một bên. Sinh ngoác miệng lên, lúc lắc đầu, cười nhe hàm răng trắng đều.

Ngọn pha trên vọng canh bỗng quay soi vào trong. Luồng sáng chiếu rọi suốt con dốc lổ nhố người ngồi. Sinh lóa mắt giơ tay che đỡ. Tú đứng lên văng tục bỗng đèn phóng lớn kéo dài. Ngọn pha tắt ngấm. Phía trước bắt đầu di động. Phùng nói : đi rồi. Tú trở về hàng. Những tiếng động sửa soạn khởi hành lan dần ngược dốc. Một chiếc nón sắt rớt mạnh xuống mặt đường. Vũ khí dụng chạm lịch kịch. Phùng cũng chống tay đứng lên.

Rakhoi công trại, đoàn người tách đi hàng dọc sát hai bờ đường, kín tiếng, dưới vòm trời chưa thấy dấu ngày. Con hương lộ tiếp tục đổ dốc đến tận cây cầu gỗ bắc ngang con rạch nhỏ, với một điểm canh của dân về mái tôn lợp xúp dựng trên khoảng đất thoải một đầu cầu. Phùng dõi theo bóng lưng của người phía trước, một lúc bị cơn buồn ngủ vậy kín mắt mũi. Phùng cố mở mắt tượng cảnh vật làng xóm dưới hai bên bờ đường còn chìm lẫn trong màn đêm, cảnh vật đã làm quen từ hơn nửa năm, qua lại hằng bữa, nhưng đầu óc càng lúc càng ngày ngật hôn ám. Phùng chỉ nghe xung quanh những bước chân đạp trên bờ cỏ, dẫm trên mặt đường đã rậm và bên kia lộ các bóng đèn, mờ ảo làm lụi đi chuyển hoài không ngớt. Phùng cố chống đôi mắt muốn sụp xuống, hình dung một nhà mát mẻ đã băng ngang từ sau ra trước, men sát theo vách lá liếc mắt dòm vào trong qua song cửa, hình dung cái lu nước mưa đầy nắp kín, kê trên mấy cục gạch đầu thêm bên góc cột có treo cái ca nhôm có thể tự tiện uống không phải hỏi xin, hình dung những khoảng vườn nằm nghỉ trưa núp cạnh gốc mít lá dầy ngửa mặt đón tia nắng xuyên nhỏ như kim nhảy múa trên mi mắt, hình dung những con đường mòn chạy tuồng luồng từ xóm này qua xóm nọ đằng sau các nhà hoặc len giữa các vườn tược đường mương ngang dọc, hình dung bóng trắng tròn to trên mặt sông khuya lạnh im vắng rợn rợn... bóng trắng trên sông nhìn từ trên cầu lúc ba giờ sáng và vẫn phải bước thối thu, bước mai, bước mãi... — CÒN NỮA

ĐÀO - TI HOẠT



Truyện dài của Thanh Tâm Tuyền

bật lên như con lật đật, quờ tay giựt đứt bốn góc giấy buộc, vo tròn cái mùng liệng vào tú và chạy kiểm giấy. Bao giờ Tú cũng xong trước và sang phòng bên đặt giá súng mang về luôn khẩu súng của Phùng.

Chuang hợp họ rêu. Phùng phụ họa bằng những tên lằng xằng chạy trong hành lang kêu : Tập hợp, tập hợp... Đám đông tản mác dài trong hành lang, ngồi trên các bậc thềm, bỏ gạch, đứng tựa núp dưới các góc cây, trong xó tối túa đổ vào trong khoảng sân có ánh đèn chiếu sáng mập mờ. Cả một bầy nặng nề (mấy anh đi như bầy bò, linh tráng gì vậy) xô dịch chậm chạp lười biếng, dồn lui xích tới, va chạm cái lầy chí chèo, một hồi lâu vẫn chưa thành hình thù hàng lối. Tiếng la trên bậc thềm : lệ lên, lệ lên xong chưa còn ai trong phòng

liên tiếp từ các sân tới khác xung quanh. Trung đội của Phùng là trung đội súng nặng, đi sau rốt đại đội, Phùng phải xách thêm một thùng đạn đại liên. Bước đi, Phùng dẫm theo bước của người khác, nghe tiếng nghiền của da giày, tiếng lách xạch của thùng đạn lẫn lộn trong những khua động ngợp quanh mình.

Các ngọn đèn trong doanh trại hui quanh xa cách thường ăn bám trên thân cây tỏa up ánh sáng tro xuống đoàn người di chuyển, Phùng tưởng mình đang nôi lênh bênh trên một giòng nước không thoát, đậm đặc màu xanh rêu và lờn nhồn những đồ vật thừa thải vớt bỏ.

Đoàn người dừng lại trước khi xuất trại. Phùng ngồi trên thùng đạn nghỉ ngơi, hút thuốc thứ hai trong ngày. Dọc bên đường dốc, ở dưới thấp, dãy nhà một tầng dành cho các sĩ quan của trường ngủ say. Những khoảng vườn nhỏ trồng vài bụi rau

MỘT NGÀY RỜI THỜI CỦA NGUYỄN THỊ HOÀNG

CUNG NHỰ TƯỚC

S AU biến cố Tết Mậu Thân Huế hiển hiện như một tiêu biểu cho những đổ nát tan thương của đời sống, của lòng người. Cầu Tràng Tiền gãy, xác chết lay lắt vào nội thành. Tiếng súng đã rền vào không gian Huế như một hình tượng hoàn thành nước mắt. Hình tượng bị bôi đen, thả đi lều ngêu giữa đêm tối cổ đô. Gần đây hơn, trong những mồ chôn tập thể người ta đã quật lên vỏ xác người. Thân nhân đã không nhìn được mặt. Không nhận ra một điểm quen thân nào. Nhưng người ta đã biết chắc chắn về Huế, nói nhiều về Huế và viết đến tan thương về Huế. Dù viết thật tình hay viết ở một góc cạnh nào đó Huế cũng là một ám ảnh và dù ám ảnh Huế vẫn không bị hiểu lầm lẫn. Bởi Huế như một thứ trái cây sâu thẳm đã rơi xuống đất. Chúng ta đã nghe được nỗi đau và ngửi thấy hương thơm vờ vụng bụi ngùi. Từ đó Huế đã thành thời sự, đã thành một thành phố rực lửa của chiến tranh Việt Nam và đã trở thành tác phẩm.

Người đọc hiểu Huế ở phía trước và ở phía sau khoảng thời gian xảy ra biến cố. Huế có ngói đỏ hay Huế có Đồng Khánh. Huế có Từ Đàm hay Huế có Phú Văn Lâu. Huế có tất cả từ thành phố, con đường khu phố, xóm thôn, và Huế cũng đổ vỡ hết. Ngay ấy đứng trong lòng người. Trai Quốc Học và gái Đồng Khánh. Nói đến Huế hay nói đến những Túy Hồng, Nhả Ca cũng gần như nói cái giọng đặc sệt của nhân vật tác phẩm họ, không khí tinh tươm mà họ xếp đặt rảo quanh hay thả cửa. Đọc ở đâu đó hay tìm thấy ngay trên Văn Đề một Túy Hồng với "những sợi sắc không" đang rạo riel vờn động về Huế, đang quạt nồng cái không khí háo hức của mùa hè đang thả bay mùa thu vào hồn người con gái Huế với áo lụa màu mỡ gà, mặt nước sông An Cựu. Hay hằng ngày ở Hòa Bình nhìn được Huế rất dễ dàng với Nhà Ca "giải khân số cho Huế". Huế của biến cố, của tan thương, đổ nát và trên tiền trình làm lại hết. Huế như đã được, tìm thấy, bắt gặp, rất nổi nôi và bàng hoàng như xác chết. Và vì vậy Huế đã thành bối cảnh để dựng nên, để hoàn thành. Không phải chỉ ở tác phẩm mà còn ở những gì chưa tới tác phẩm. Chúng ta đã sống với Huế trong không khí đó, đầy đủ, không thiếu. Nhưng chắc vẫn còn nhiều. Bây giờ. Hãy tìm đến Huế khác hơn, Huế của Nguyễn thị Hoàng, Huế của một người ngoài Huế và Huế của "Một ngày rời thời".

«Một ngày rời thời» là tác phẩm mới nhất cũng là cuốn sách thứ chín của Nguyễn thị Hoàng tính từ «Vòng tay học trò» trở đi. Là một truyện dài, khoảng 380 trang, chữ Romain corps 8 khổ thông nhất của nhà xuất bản Hoàng Đông Phương. Bìa simili của Đình Cường. Sách in đẹp và sáng sủa. Truyện lấy khung cảnh Huế làm chất liệu, cái Huế

rất Huế của một không khí bình thường đứng im sừng sững sau tấm lưng nhầy nhụa, tan nát, bốc lửa của chiến tranh. «Một ngày rời thời» ở đây (ở Huế) hay không ở đây (ngoài Huế), có nghĩa như ở bất cứ chỗ nào khác đều mang cái không khí rực nức Nguyễn Thị Hoàng. Nhân vật, đối thoại, yêu đương, khao khát, đổ vỡ.

Sống hay chết trong tận cùng hạnh phúc của mình đều rất Nguyễn thị Hoàng. Quen thuộc, nhận ra nhau từ đầu cho đến cuối. Truyện được tác giả chia rõ ràng ra làm ba phần và trong mỗi phần lớn đó có rất nhiều phần nhỏ. Ở đó chúng ta phải đi theo từ nhân vật đầu tiên là Nguyễn cho đến trang cuối cùng để gặp lại Nguyễn. Truyện có thể tóm tắt như sau :

Nguyễn, cô nữ sinh 16t tinh nghịch rang mãnh trong một buổi học đã lên kéo theo những người bạn mình bỏ lớp chạy vào một «xà lim» định ở đây suốt ngày với số «lương thực» mang sẵn. Nguyễn bị mang cái ám ảnh của quá khứ, cái ám ảnh do những người ở tù từ những ngày Phật giáo bạo động ở Huế kể lại. Nguyễn khao khát đến thành nghĩ ngờ những nơi giam cầm mà Nguyễn cho rằng cái «xà lim» ở trường là tiêu biểu cho những nơi đó. Nguyễn bị tính tò mò thúc giục, muốn khám phá mình trong bóng tối chật hẹp và mình ngoài ánh sáng tự do. Và ngày nào cũng vậy Nguyễn bỏ học lén theo mấy người bạn bỏ lớp vào xà lim chơi. Nguyễn thấy thích thú khi có người rượt đuổi và thỏa mãn khi không ai khám phá được ra mình. Nhưng vì sự vô ý của mấy người bạn khi leo tường thoát ra khỏi xà lim Nguyễn bị bà giám thị phát giác kêu lên vào phòng liệu trường. Nguyễn gặp cô Nhan giáo sư dạy sinh và được lãnh về nhà. Từ đó tác giả mở cho ta những người chung quanh Nguyễn. Trước tiên là gia đình Nguyễn với ông Vinh Hoài, Diễm. Ông già và bà mẹ đã vắng mặt. — Bà mẹ bỏ nhà ra đi đã đó là một ám ảnh dữ dội cho chị em nàng : Nguyệt và Diễm. Ông Vinh Hoài suốt ngày vui thú với vườn hoa và buồn rầu với người vợ bỏ đi bên cạnh Nhan một người bạn học cũ (hay là một tình nhân cũ vừa nói lại liên lạc).

Diễm đi dạy học và mang ám ảnh về người tình của mình : họa sĩ Hiệp — Hiệp có vợ là Hào, Hào lại có người yêu cũ là Vĩ. Nhân một hôm Hào về Đà Nẵng Diễm tìm đến thăm Hiệp tại nhà, hai người đưa nhau đi chơi chùa. Hào gặp lại Vĩ và Nguyễn trong một dịp tình cờ quen với Vĩ trong khi nàng có người yêu là An. Từng ấy nhân vật xoay quanh nhau. Sống, hưởng hạnh phúc, yêu nhau, buồn khổ, khao khát tạo thành những mối tình chạy đuổi nhau trong nghĩ ngơ lờ lửng, buồn rầu và khổ đau. Vĩ hiện ra như một người đàn ông cho tất cả đàn ông và người tình cho tất cả người tình — Bộ ba

Hào, Diễm rời Nguyễn ai là người yêu Vĩ và thật sự được Vĩ yêu. Vĩ tới của ba người thật mù mờ, xịch như thời thiết ở Huế. Hiệp ngoại binh và chế trong nhà thương với sự chứng kiến của hai em Nguyễn. Trước đó Hào trở về với Hiệp. Nguyệt bỏ nhà ra đi tìm tới sống với người mẹ một thời gian rồi trở về gặp An. Vĩ rời Huế trở vào Sài Gòn khi mùa thu tới với Huế. Nguyễn, Diễm tiếp tục sống với sự đổ vỡ ngấm ngấm và với một người tình chưa thành tên gọi giữa một đời sống rất thu, rất Huế và rất tỉnh không.

«Vây là không ai có lỗi cả. Chỉ vì mùa Thu mà ông bỏ đi. Rồi đây là vàng sẽ rụng đầy đường và tôi sẽ nghĩ là vàng đã đuổi ông đi».

Nguyễn thị Hoàng là một tác giả rất quen thuộc viết rất khỏe; có sách in đều và bán chạy. Đó là một điều chắc chắn, ai cũng biết qua Vòng tay học trò và những tác phẩm kế tiếp trong «một ngày rời thời» cũng là một tác phẩm kế tiếp của nhà văn phái nữ này. Nhưng lần này Nguyễn thị Hoàng đã viết về Huế, không khí, bối cảnh, tình tự và người Huế. Qua Nguyễn và An Nguyễn thị Hoàng viết về tình yêu, đối thoại của hai người này bằng cái nhìn, giọng nói, cách đối xử rất Huế. Khiến Nguyễn về An có cái dễ thương riêng trong những cái dễ thương của Huế. Cái khó là ở chỗ đó. Cái khác khác nữa là hầu hết những tác phẩm của Nguyễn thị Hoàng đều xếp nhân vật rất đông. Trong một ngày rời thời có những Nguyễn, Diễm, ông Vinh Hoài, Nhan, Hiệp, Hào, Vĩ, An, ông An không kể những nhân vật bình thường khác. Nhưng hình như người nào cũng là chính cả khiến cho người đọc khó nhớ hết, khó theo dõi cũng như dễ làm cho tác giả lúng túng, khó thu xếp.

Nhưng Nguyễn thị Hoàng với «một ngày rời thời» đã làm được điều khó đó. Và hết tập truyện khi gấp sách lại nếu người đọc là đàn ông, chắc chắn họ thích làm ông Vĩ thay vì làm Hiệp, nếu người đọc là đàn bà chắc chắn họ thích làm Nguyễn hơn làm Diễm hay Hào và Nhan. Cũng như chính tác giả «Một ngày rời thời» có lẽ cũng đã thích làm một nhân vật nào đó của mình. Như nữ giáo sư Diễm chẳng hạn. Dĩ nhiên ! Ở đây tôi không muốn nhắc lại là sau khi rời Huế Vĩ còn trở lại thành phố này để cưới Diễm. Cũng như Nguyễn bất chợt nhận lời cầu hôn của ông An. Bởi đó chỉ là cách giải quyết của đời sống tình cảm họ. Đời sống đã đến lúc ngột thở và phải thoát và bởi vì giữa họ đã không có tình yêu nào. Chính Nguyễn đã nói : «Có phải tình yêu không. Không. Nào có phải là tình yêu. Với An, với Vĩ, với ông An hay bất cứ một người nào khác. Tình yêu là thế nào tôi có biết. Nó đến là nó đi. Nó đi cũng chính là nó đến. Cũng như 1 nụ hôn, khi mới đã xa môi là lòng đã xa lòng. Còn gì nữa đâu?»

Nên hiểu bài ca dao thăng Bờm...

(Tiếp theo trang 7)

Xin nghe ông bàn : «...Hãy đi tìm nhân cách của thăng Bờm. Thăng Bờm là vô số nông dân Việt Nam gồm có đến chín phần mười dân tộc, trải hàng mấy ngàn năm lịch sử kể cả tiền sử.

Tâm trạng thăng Bờm đã được diễn tả một cách linh hoạt trong mấy câu ca dao giản dị sau đây :

Thăng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò, chín trâu
Bờm rằng : «Bờm chẳng lấy trâu»
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè
Bờm rằng : «Bờm chẳng lấy mè».
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng : «Bờm chẳng lấy lim».
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi
Bờm rằng : «Bờm chẳng lấy mồi».
Phú ông xin đổi năm xôi — Bờm cười.

Ấy đấy nguyện vọng của Bờm chỉ có thế thôi, không cao xa khó khăn gì cho lắm. Nhân cách của Bờm

hồn nhiên, chất phát và thực tế thiên cận như vậy đó. Nó không xa với đứa trẻ ngây thơ khờ dại, không suy nghĩ xa xôi, chẳng ôm đồm nào bô, nào trâu, nào gỗ, nào cá, nào đồ chơi xa xỉ như chim đồi mồi. Vì nó còn đang đói mà tất cả gia tài của nó chỉ có cái quạt mo, so với gia tài của thăng Bờm Chữ Đồng Tử mấy ngàn năm về trước, bô con nhường nhau cái khổ, thì Bờm ngày nay có phần tiến bộ. Nhưng lại đang đói lòng thì năm xôi trả lời cho nguyện vọng thiết thực. Và còn là trình độ hồn nhiên chất phác quá, sống gần bản năng hơn là suy nghĩ tư duy, vung về đến nỗi «ngon bất xuất khâu», chưa biết diễn đạt cái ý muốn của mình, mà phải chờ người ta đoán trúng nơi mình muốn mới nhoeo miệng cười mãn nguyện. Cái tâm trạng này ngày nay chúng ta còn nhìn thấy tại đám dân quê như là ở vùng trung châu Nam Thái, và không những dân quê, cả những dân ngày nay ra đô thị làm ăn ở các nhà máy, chiều tối lại trở về sau lũy tre xanh...»

Ngoài ra bài thăng Bờm còn

được hiểu dưới khía cạnh kinh tế nữa. Chúng ta có thể tìm đọc trong thiên khảo luận bằng Anh văn và Pháp văn của ông Vũ quốc Thúc dưới nhan đề «The role of saving and wealth in South and South East Asia» (Le rôle de l'épargne et des richesses en Asie du Sud et du Sud Est), đăng trong một cuốn sách nhỏ về UNESCO xuất bản năm 1962 ở Paris. Bài này về sau trích lục và phiên dịch sang tiếng Việt để đăng trong tập san Ánh Đèn Dầu (tập V, số 4, 1965) mang nhan đề «Tiết kiệm và tài sản ở Việt Nam».

Trong khuôn khổ thiên khảo luận về vấn đề tiết kiệm và tài sản, trọng tâm lý luận của kinh tế gia Vũ quốc Thúc chính là bảng liệt kê các tài sản trong bài ca dao Thăng Bờm vì các tài sản này được sắp xếp theo thứ tự quan trọng từ trên xuống dưới. Nhắc lại bài ca dao, mục đích của tác giả chính là giải thích thứ tự ưu tiên ấy, bằng cách suy luận về các điều kiện kinh tế ở nước ta thời xưa.

Vì nhìn thấy bằng thứ tự tài sản nói trong bài ca dao có rất nhiều ý

nghĩa kinh tế nên giả tác đã đi đến nhận định :

«Những đề nghị liên tiếp của phú ông để đổi lấy cái quạt mo của Bờm đã lần lượt đưa ra theo thứ tự từ cao xuống thấp.

«Trước tiên người ta thích loại thú vật kéo xe như trâu bò. Trong một xứ chuyên về nông nghiệp chưa được cơ giới hóa thì tất nhiên trâu bò phải đóng một vai trò quan trọng trong việc làm mùa.

«Kế đó, ta phải nói đến nghề nuôi cá như một lối đầu tư có lợi. Thế nên có câu tục ngữ : «Thứ nhất thả cá, thứ nhì gá bạc». Nuôi cá được nâng lên hàng đầu vì ta tốn ít mà lại thu lợi được nhiều trong một thời gian rất ngắn.

«Tiếp đến là vật liệu xây cất, đặc biệt là loại danh mộc ngư gỗ lim. Ngày xưa, người rất cần thận mới bỏ tiền tích trữ gỗ lim vì không sợ bị trộm cắp.

«Đồ trang trí như chim đồi mồi chỉ được liệt vào hàng thứ tư vì những món đồ xinh xắn đắt tiền ấy tuy trông đẹp mắt nhưng không sinh lợi và dễ bị mất».